

**UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ XA DUNG
TRƯỜNG PTDTBT THCS PHÌ NHÙ**

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

XA DUNG, THÁNG 5 NĂM 2026

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÍ
CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

Stt	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ kí
1	Quàng Thị Niên	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Kiều Việt Hưng	P. Hiệu trưởng	Phó chủ tịch Hội đồng	
3	Nguyễn Thị Thanh Nga	P. Hiệu trưởng	Phó chủ tịch Hội đồng	
4	Nguyễn Thị Hà Xuyên	Giáo viên	Thư ký Hội đồng	
5	Trần Thị Uyên	P. Tổ trưởng KHXH	Thư ký Hội đồng	
6	Trần Thọ	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
7	Trần Thị Thu Hợi	Tổ trưởng KHXH	Ủy viên Hội đồng	
8	Lường Văn Hà	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
9	Lò Văn Xiên	Tổ trưởng QLHSBT	Ủy viên Hội đồng	
10	Nguyễn Trọng Minh	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
11	Lò Văn Thiện	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
12	Hoàng Thị Thu	Kế toán	Ủy viên Hội đồng	
13	Đào Thị Huệ	GV – TPT Đội	Ủy viên Hội đồng	
14	Nguyễn Thành Luân	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
15	Nguyễn Thị Thủy	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
16	Nguyễn Xuân Tuấn	Bí thư chi đoàn thanh niên	Ủy viên Hội đồng	
17	Hồ Ngọc Thiết	Tổ trưởng KHTN	Ủy viên Hội đồng	
18	Nguyễn Ngọc Lan	P. Tổ trưởng KHTN	Ủy viên Hội đồng	

19	Vũ Văn Thương	Giáo viên, Phó bí thư chi đoàn TN	Ủy viên Hội đồng	
----	---------------	-----------------------------------------	------------------	--

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
Mục lục	3
Danh mục các chữ viết tắt	5
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	6-7
Phần I: CƠ SỞ DỮ LIỆU	8-13
Phần II: TỰ ĐÁNH GIÁ	14-97
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	14-20
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	20-97
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	20-90
Tiêu chuẩn 1	20-42
Mở đầu	21
Tiêu chí 1.1	21-23
Tiêu chí 1.2	23-25
Tiêu chí 1.3	25-27
Tiêu chí 1.4	27-29
Tiêu chí 1.5	29-31
Tiêu chí 1.6	31-34
Tiêu chí 1.7	34-36
Tiêu chí 1.8	36-38
Tiêu chí 1.9	38-40
Tiêu chí 1.10	40-42
Kết luận về tiêu chuẩn 1	42-43
Tiêu chuẩn 2	43-53
Mở đầu	43
Tiêu chí 2.1	43-45
Tiêu chí 2.2	45-47
Tiêu chí 2.3	47-49

Tiêu chí 2.4	49-51
Kết luận về tiêu chuẩn 2	51-53
Tiêu chuẩn 3	53-66
Mở đầu	53
Tiêu chí 3.1	53-55
Tiêu chí 3.2	55-57
Tiêu chí 3.3	57-59
Tiêu chí 3.4	59-60
Tiêu chí 3.5	61-62
Tiêu chí 3.6	62-64
Kết luận về tiêu chuẩn 3	64-66
Tiêu chuẩn 4	66-74
Mở đầu	66
Tiêu chí 4.1	67-70
Tiêu chí 4.2	70-73
Kết luận về tiêu chuẩn 4	73-74
Tiêu chuẩn 5	74-90
Mở đầu	74
Tiêu chí 5.1	75-77
Tiêu chí 5.2	77-79
Tiêu chí 5.3	80-82
Tiêu chí 5.4	82-83
Tiêu chí 5.5	83-85
Tiêu chí 5.6	85-89
Kết luận về tiêu chuẩn 5	89-90
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	90-96
Tiêu chí 1	90-91
Tiêu chí 2	91-92
Tiêu chí 3	92
Tiêu chí 4	93
Tiêu chí 5	93-94
Tiêu chí 6	94-95
Kết luận	95-96
Phần III: KẾT LUẬN CHUNG	96-97
Phần IV: PHỤ LỤC	98-111

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Nội dung	Kí hiệu
Minh chứng	MC
Trung học cơ sở	THCS
Trung học phổ thông	THPT
Giáo dục và Đào tạo	GD-ĐT
Cha mẹ học sinh	CMHS
Học sinh giỏi	HSG
Học sinh tiên tiến	HSTT
Khoa học kỹ thuật	KHKT

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả tự đánh giá:

1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt Mức 1	Đạt Mức 2	Đạt Mức 3
Tiêu chuẩn 1			X	
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	-
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	-
Tiêu chí 1.6		X	X	-
Tiêu chí 1.7		X	X	-
Tiêu chí 1.8		X	X	-
Tiêu chí 1.9		X	X	-
Tiêu chí 1.10		X	X	-
Tiêu chuẩn 2			X	
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	-
Tiêu chí 2.3		X	X	-
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3			X	
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	-
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	-
Tiêu chí 3.5		X	X	-
Tiêu chí 3.6		X	X	-
Tiêu chuẩn 4				X
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				X

Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	-
Tiêu chí 5.4		X	X	-
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Kết quả: Đạt mức 2.

1.2. Đánh giá tiêu chí mức 4:

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	
Tiêu chí 6		X	

Kết quả: Không đạt mức 4.

2. Kết luận: Trường PTDTBT THCS Phi Nhừ đạt mức 2 về kiểm định chất lượng giáo dục và đạt mức 1 về việc công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (Căn cứ theo Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Pì Nhừ.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban Nhân dân xã Xa Dung.

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương	Điện Biên	Họ và tên Hiệu trưởng	Quàng Thị Niên
Xã/phường/thị trấn/	Xa Dung	Điện thoại	0382.287.024
		Fax	
Đạt chuẩn quốc gia	x	Số điểm trường	Không
Năm thành lập trường (theo quyết định Đổi tên, thành lập trường PTDTBT)	2012	Loại hình khác	Không
Công lập	x	Thuộc vùng khó khăn	
Chuẩn quốc gia	x	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	x
Trường chuyên biệt	Không	Website	<a href="https://ptdtbtthcsphi
nhu.xadung.edu.vn/">https://ptdtbtthcsphi nhu.xadung.edu.vn/
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số lớp học:

Số lớp học	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
Khối lớp 6	3	3	3	4	4
Khối lớp 7	3	3	3	3	3
Khối lớp 8	3	3	3	3	3
Khối lớp 9	2	2	3	2	3
Cộng	11	11	12	12	13

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường:

TT	Số liệu	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	15	16	16	16	16
1	Phòng học	11	11	12	12	12
A	Phòng kiên cố	06	04	08	08	06
B	Phòng bán kiên cố	05	07	07	04	06
C	Phòng tạm	0	0	0	0	0
2	Phòng học bộ môn	04	04	04	04	04
A	Phòng kiên cố	04	04	04	04	04
B	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
C	Phòng tạm	0	0	0	0	0
3	Khối phục vụ học tập	0	0	0	0	0
A	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0
B	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
C	Phòng tạm	0	0	0	0	0
II	Khối phòng hành chính - quản trị	09	09	09	09	09
1	Phòng kiên cố	02	02	02	02	02

2	Phòng bán kiên cố	07	07	07	07	07
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
III	Thư viện	01	01	01	01	01
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác	0	0	0	0	0
	Cộng	25	26	26	26	26

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá (Tháng 5/2026):

Chức danh, chức vụ	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	01	0	01	0	
Phó hiệu trưởng	02	01	0	0	01	01	
Giáo viên	22	09	02	0	22	0	
Nhân viên	0	0	0	0	0	0	
Cộng	25	11	03	0	24	01	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

Stt	Số liệu	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
1	Tổng số giáo viên	22	22	24	23	22
2	Tỉ lệ giáo viên/lớp	2,0	2,0	2,0	1,9	1,7
3	Tỉ lệ giáo viên/học sinh	$22/347 = 0,06$	$22/394 = 0,06$	$24/417 = 0,06$	$23/440 = 0,05$	$22/476 = 0,05$
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi các cấp	01	05	03	04	05

4. Học sinh:**a) Số liệu chung:**

Stt	Số liệu	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
1	Tổng số học sinh	347	394	417	440 (03 HS KT)	476 (05 HS KT)
	- Nữ	153	191	192	190	209
	- Dân tộc thiểu số	346	393	416	439	474
	- Khối lớp 6	93	126	125	127	146
	- Khối lớp 7	112	94	116	122	123
	- Khối lớp 8	80	101	87	111	112
	- Khối lớp 9	62	73	89	80	96
2	Tổng số HS tuyển mới	93	126	125	127	146
3	Học 2 buổi/ngày	347	394	417	440	476
4	Bán trú	314	360	380	364	407
5	Nội trú	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/lớp học	31,5	35,8	34,8	36,7	36,6
7	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/xã	01	03	08	11	11
	Tổng số học sinh giỏi cấp tỉnh	0	0	0	01	01

8	Kết quả cuộc thi KHKT cấp huyện/ xã	0	0	01	01	01
	Kết quả cuộc thi KHKT cấp tỉnh	0	0	0	0	0
9	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	255	393	417	440	474
	Nữ	128	190	192	190	209
	Dân tộc thiểu số	254	392	416	439	474
10	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	13	17	8	13	16
11	Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp học (tốt nghiệp THCS 2 hệ)	$82/94 = 87,2\%$	$71/71 = 100\%$	$116/116 = 100\%$	$80/80 = 100\%$	$96/96 = 100\%$
12	Tỷ lệ học sinh bỏ học	5 - 1,4%	4 - 1,0%	5 - 1,2%	3 - 0,7%	9 - 1,8%
13	Tỷ lệ học sinh lưu ban	0	0	0	0	0

b) Kết quả giáo dục:

Số liệu	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
Tỉ lệ học sinh xếp loại học lực tốt	29/347 = 8,4%	25/383 = 6,5%	32/415 = 7,7%	28/437 = 6,4%	31/472= 6,6%
Tỉ lệ học sinh xếp loại học lực khá	139/347 = 40,1%	147/383 = 38,4%	175/415 = 42,2%	191/437 = 43,7%	196/472= 41,5%
Tỉ lệ học sinh xếp loại học lực chưa đạt	0 = 0%	0 = 0%	0 = 0%	0 = 0%	0=0%
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	246/347 = 70,9%	268/383% = 70,0%	307/415 = 74,0 %	326/437 = 74,5%	346/472= 73%
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	70/347 = 20,2%	95/383 = 24,8%	87/415 = 21,0 %	95/437 = 21,7%	118/472= 25%
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm đạt	31/347 = 8,9%	20/383 = 5,25%	21/415 = 5,0 %	16/437 = 3,7%	8/472= 2%

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ.

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Phì Nhừ nằm trên địa bàn xã Xa Dung - một trong những xã khó khăn của tỉnh Điện Biên. Trong đó, phần lớn là đồi núi cao địa hình hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn. Đại bộ phận dân cư sinh sống rải rác, đời sống kinh tế của người dân trên địa bàn xã còn khó khăn, trình độ dân trí thấp, tình hình chính trị phức tạp.

Năm 1978, trường được thành lập chung cho cả 3 cấp học Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở. Từ tháng 9 năm 2007 theo quyết định của Ủy ban Nhân dân huyện Điện Biên Đông, trường được tách ra hoạt động độc lập. Tháng 11 năm 2012, sau những nỗ lực cố gắng về mọi mặt của thầy và trò nhà trường trong công tác chuyên môn và tu sửa cơ sở vật chất trường lớp học, xây dựng và củng cố nền nếp học sinh, trường được đổi tên từ trường Trung học cơ sở Phì Nhừ thành trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Phì Nhừ theo quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân huyện Điện Biên Đông.

Trường PTDTBT THCS Phì Nhừ có diện tích 9360,05 m²; Có 01 phòng Ban giám hiệu là phòng kiên cố và 02 phòng là bán kiên cố; Có khu phòng lớp học gồm 12 phòng (Trong đó, có 06 phòng kiên cố, 06 phòng bán kiên cố); Có 01 phòng Thư viện bán kiên cố, 01 phòng Thiết bị bán kiên cố; Có 13 phòng ở nội trú (Trong đó, có 08 phòng kiên cố và 04 phòng bán kiên cố); Có 01 khu bếp nấu ăn, 01 nhà ăn, 02 nhà kho; Có 01 khu nhà vệ sinh giáo viên gồm 06 phòng; 01 khu nhà tắm học sinh gồm 06 phòng và 01 khu nhà vệ sinh học sinh gồm 15 phòng; Sân trường và sân nội trú đã được đổ bê tông; Có biển trường, cổng trường và tên trường, chưa có đủ hệ thống tường xây bao quanh trường.

2. Mục đích tự đánh giá.

Căn cứ vào thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Nhà trường xác định được tự đánh giá là khâu đầu tiên trong quy trình kiểm định chất lượng giáo dục. Đó là quá trình nhà trường tự xem xét, nghiên cứu trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ GD&ĐT ban hành. Báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất cũng như các vấn đề liên quan khác. Từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn nhân lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng.

Để thực hiện tốt công tác tự đánh giá, trường PTDTBT THCS Pì Nhừ đã tổ chức xây dựng kế hoạch, nội dung, tài liệu, tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và tiến hành đánh giá chất lượng giáo dục trong nhà trường.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá.

3.1. Quá trình đánh giá gồm các bước sau:

3.1.1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá căn cứ theo hướng dẫn tại Điều 24 Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT.

3.1.2. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

Kế hoạch tự đánh giá của nhà trường do Hội đồng tự đánh giá xây dựng và có các nội dung theo Phụ lục 1. Chủ tịch Hội đồng phê duyệt kế hoạch tự đánh giá.

Kế hoạch tự đánh giá đã được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, xác định rõ nhiệm vụ cụ thể của các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá, nhóm thư ký, các nhóm công tác và từng cá nhân. Kế hoạch tự đánh giá đã nêu rõ nội dung từng hoạt động, thời gian thực hiện, thời gian hoàn thành.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch tự đánh giá, nếu phát sinh những vấn đề chưa phù hợp thì có thể điều chỉnh và bổ sung.

3.1.3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

Minh chứng được thu thập từ hồ sơ lưu trữ của nhà trường, các cơ quan có liên quan; kết quả khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát các hoạt động của nhà trường.

Để xác định đúng, đủ nội hàm (yêu cầu) của từng chỉ báo, tiêu chí, các nhóm công tác đã lưu ý và phân tích tiêu chí để tìm những minh chứng cần thu thập, nơi thu thập và ghi vào Phiếu xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng tiêu chí (căn cứ theo Phụ lục 2 và 3).

Đồng thời, các nhóm công tác đã phân tích được tiêu chí, định hướng được việc thu thập minh chứng và chuẩn bị cho các bước tiếp theo của quy trình tự đánh giá.

Căn cứ vào các Phiếu xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng tiêu chí, nhóm công tác hoặc cá nhân được phân công tiến hành thu thập minh chứng, sắp xếp minh chứng theo thứ tự nội hàm chỉ báo, tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá cơ sở giáo dục phổ thông.

Hội đồng tự đánh giá thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được của nhóm công tác hoặc cá nhân. Khi các minh chứng được sử dụng, Hội đồng tự đánh giá lập Bảng danh mục mã minh chứng (theo Phụ lục 4).

Minh chứng được lưu trữ, bảo quản theo quy định của Luật lưu trữ và các quy định hiện hành.

3.1.4. Đánh giá mức độ đạt được theo từng chỉ báo.

Việc đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí được các nhóm công tác thực hiện thông qua Phiếu đánh giá tiêu chí. Đối với tiêu chí thuộc Mức 1, 2 và 3 trong tiêu chuẩn đánh giá, tùy theo nội hàm của chỉ báo, tiêu chí việc “Mô tả hiện trạng” trong Phiếu đánh giá tiêu chí được thực hiện theo Phụ lục 5a. Các tiêu chí thuộc Mức 4 trong tiêu chuẩn đánh giá, thì viết Phiếu đánh giá tiêu chí theo Phụ lục 5b.

Quy trình viết, hoàn thiện Phiếu đánh giá tiêu chí được thực hiện như sau:

Bước 1: Nhóm công tác hoặc cá nhân nghiên cứu, phân tích nội hàm của tiêu chí, chỉ báo và các minh chứng được sử dụng để viết các nội dung theo quy định trong Phiếu đánh giá tiêu chí;

Bước 2: Nhóm công tác thảo luận các nội dung của Phiếu đánh giá tiêu chí để chỉnh sửa, bổ sung;

Bước 3: Hội đồng tự đánh giá thảo luận các nội dung của từng Phiếu đánh giá tiêu chí. Trong đó, đặc biệt chú ý đến kế hoạch cải tiến chất lượng từng tiêu chí để xác định rõ các biện pháp, giải pháp, điều kiện (nhân lực, tài chính), thời gian thực hiện, thời gian hoàn thành và phải có tính khả thi;

Bước 4: Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng tự đánh giá, nhóm công tác hoặc cá nhân hoàn thiện Phiếu đánh giá tiêu chí và gửi thư ký Hội đồng tự đánh giá.

Kết quả đánh giá từng tiêu chí được tổng hợp vào Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá (căn cứ theo Phụ lục 6).

3.1.5. Viết báo cáo tự đánh giá.

Báo cáo tự đánh giá phản ánh thực trạng chất lượng của nhà trường, sự cam kết thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng của nhà trường. Kết quả tự đánh giá được trình bày dưới dạng một bản báo cáo có cấu trúc và hình thức theo quy định tại Phụ lục 6.

Dự thảo báo cáo tự đánh giá được chuyển cho các nhóm công tác, cá nhân cung cấp minh chứng để xác minh lại các minh chứng đã được sử dụng và tính chính xác của các nhận định, kết luận rút ra từ đó. Các nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm rà soát lại nội dung báo cáo có liên quan đến các tiêu chí được giao.

Dự thảo cuối cùng của báo cáo tự đánh giá được công bố lấy ý kiến góp ý của cán bộ, giáo viên và nhân viên trong nhà trường. Hội đồng tự đánh giá nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến góp ý để hoàn thiện báo cáo, ký xác nhận vào bản báo cáo tự đánh giá sau khi đã đọc và nhất trí với nội dung báo cáo tự đánh giá.

Sau khi bản báo cáo tự đánh giá được Hội đồng tự đánh giá nhất trí thông qua, Hiệu trưởng xem xét, ký tên, đóng dấu. Bản chính báo cáo tự đánh giá được lưu trữ tại nhà trường, gửi đến cấp có thẩm quyền để báo cáo, xem xét và thẩm định.

3.1.6. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện sẽ được nhà trường công bố trong phạm vi nhà trường.

3.1.7. Gửi hồ sơ đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

Thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng được đề ra trong báo cáo tự đánh giá để cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Gửi báo cáo tự đánh giá cho cơ quan quản lý trực tiếp kèm theo công văn đề nghị được quan tâm, hỗ trợ trong quá trình thực hiện cải tiến, nâng cao chất lượng theo kế hoạch cải tiến chất lượng đã nêu trong báo cáo tự đánh giá.

3.2. Những vấn đề nổi bật trong hoạt động đánh giá:

3.2.1. Phương pháp tự đánh giá.

- Phổ biến kế hoạch tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, đến chính quyền địa phương, các đoàn thể xã hội.

- Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch tự đánh giá, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên:

- Đối với Hiệu trưởng: Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đến từng CBGV-NV trong nhà trường, thông báo đến chính quyền địa phương, các đoàn thể xã hội. Báo cáo với lãnh đạo ngành để có sự chỉ đạo, hỗ trợ cho kế hoạch phát triển.

Thành lập Ban kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch có những đề xuất kịp thời để điều chỉnh kế hoạch.

- Đối với Phó Hiệu trưởng: Giúp Hiệu trưởng tổ chức thực hiện từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra đôn đốc và đánh giá việc thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp bổ sung vào kế hoạch.

- Đối với các tổ Chuyên môn: Tổ chức thực hiện kế hoạch trong tổ, kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên trong tổ. Tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất những giải pháp để thực hiện tốt kế hoạch phát triển.

- Đối với các Đoàn thể trong nhà trường: Đôn đốc nhắc nhở các bộ phận thực hiện kế hoạch, tham mưu với Ban chỉ đạo thực hiện những vấn đề cần điều chỉnh trong quá trình thực hiện kế hoạch.

- Đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên: Căn cứ kế hoạch tự đánh giá, kế hoạch từng năm học để xây dựng kế hoạch công tác cho từng bộ phận. Đánh giá việc thực hiện từng giai đoạn có rút kinh nghiệm, đề xuất các giải pháp bổ sung

trong kế hoạch để đạt kết quả cao nhất.

3.2.2. Cách thức tổ chức tự đánh giá:

Bước 1. Trước khi thu thập thông tin minh chứng.

B1.1. Xác định nội dung yêu cầu của từng tiêu chí.

B1.2. Tìm nguồn thông tin MC đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí: Cơ quan và cấp ban hành văn bản, MC, tên người, bộ phận, nơi có thể thu thập được thông tin, MC, kế hoạch, phương pháp, cách thức thu thập minh chứng.

Bước 2. Tiến hành thu thập minh chứng.

B2.1. Thành viên các nhóm chuyên trách tiến hành thu thập thông tin, MC.

B2.2. Huy động các bộ phận khác tham gia thu thập hoặc cung cấp MC.

Bước 3. Phân tích thông tin minh chứng.

B3.1. Chọn lọc MC theo nội dung yêu cầu của từng tiêu chí trong mỗi tiêu chuẩn đánh giá chất lượng.

B3.2. Phân tích và chứng minh các MC đã được chọn lọc đáp ứng các yêu cầu của các tiêu chí tương ứng.

B3.3. Tập hợp minh chứng vào các biểu bảng thống kê và danh mục minh chứng của trường.

B3.4. Lưu trữ minh chứng trong hồ sơ tự đánh giá.

Bước 4. Viết phiếu đánh giá các tiêu chí.

B4.1. Mô tả và phân tích các hoạt động của nhà trường đáp ứng được yêu cầu của tiêu chí.

B4.2. Nhận định những điểm mạnh của nhà trường về tiêu chí này.

B4.3. Chỉ ra những tồn tại cần khắc phục và nguyên nhân.

B4.4. Đề ra kế hoạch hành động, phát huy những điểm mạnh và khắc phục những tồn tại.

B4.5. Đánh giá mức đạt yêu cầu của các tiêu chí.

3.2.3. Công cụ đánh giá.

Thông tư số 18/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22 tháng 8 năm 2018 Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ.

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3:

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.

Mở đầu:

Nhà trường có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời có đầy đủ cơ cấu tổ chức bộ

máy, lớp học, sổ học sinh, chi bộ Đảng, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh, các tổ chuyên môn, các tổ chức xã hội khác và các hội đồng hoạt động theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công tác quản lý cán bộ giáo viên, nhân viên, quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý hành chính, tài chính, tài sản theo các quy định hiện hành.

Thực hiện các phong trào thi đua; quy chế dân chủ và hệ thống hồ sơ, sổ sách lưu trữ đầy đủ theo quy định. Nhà trường luôn đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong trường.

Tiêu chí 1.1. Kế hoạch Giáo dục nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của ủy ban nhân dân xã, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2: Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện Kế hoạch Giáo dục nhà trường.

Mức 3: Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch Giáo dục. Tổ chức xây dựng phương hướng, nhiệm vụ Kế hoạch Giáo dục nhà trường có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng sư phạm cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, HS, cha mẹ HS và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Kế hoạch Giáo dục nhà trường được xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo năm học và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1- 01]. Kế hoạch Giáo dục nhà trường đã bám sát nghị quyết của các cấp, phù hợp với thực tế địa phương, Kế hoạch Giáo dục nhà trường được xác lập bằng văn bản được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường và đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Nhà trường đã có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng nhiệm vụ năm học được thể hiện trong Nghị quyết hội nghị CBCNVC đầu năm của nhà trường [H1-1.7- 04]. và báo cáo tổng kết năm học qua các năm [H1-1.1- 06].

Kế hoạch Giáo dục của nhà trường được rà soát, bổ sung, điều chỉnh. Tổ chức xây dựng phương hướng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong nhà trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, HS, cha mẹ HS và cộng đồng [H1-1.1- 07].

2. Điểm mạnh:

Kế hoạch Giáo dục nhà trường được xây dựng bằng văn bản được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với mục tiêu giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo năm học và các nguồn lực của nhà trường. Kế hoạch giáo dục nhà trường đã bám sát nghị quyết của các cấp, phù hợp với thực tế địa phương.

Kế hoạch Giáo dục nhà trường được công bố công khai; định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh với sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng sư phạm nhà trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, HS, cha mẹ HS và cộng đồng.

3. Điểm yếu: Công tác rà soát, bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch Giáo dục nhà trường có lúc chưa kịp thời, chưa cụ thể.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục huy động các nguồn lực của nhà trường và ngoài xã hội để thực hiện hiệu quả Kế hoạch giáo dục nhà trường, phù hợp từng thời điểm năm học của nhà trường để nâng cao chất lượng mọi mặt.

Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch giáo dục nhà trường Hằng năm kịp thời, cụ thể, sát với tình hình thực tế của nhà trường và địa phương, để có những điều chỉnh cho phù hợp. Thời gian thực hiện vào tháng 9 Hằng năm.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Đạt: Mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng thi đua khen thưởng; các hoạt động tư vấn khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2: Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường đã ban hành Quyết định thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và các hội đồng tư vấn khác theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học. Thành phần các hội đồng đảm bảo cơ cấu phù hợp, phát huy vai trò tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc tổ chức và triển khai các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Hàng năm, nhà trường tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng theo đúng quy trình, có xây dựng tiêu chí thi đua phù hợp với nhiệm vụ năm học. Công tác bình xét thi đua được thực hiện công khai, dân chủ, khách quan, tạo động lực cho cán bộ, giáo viên, nhân viên phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Hồ sơ thi đua khen thưởng được lưu trữ đầy đủ, khoa học; có các biên bản họp xét thi đua, danh sách đề nghị khen thưởng và các quyết định khen thưởng của cấp trên. [H1-1.2-01] Quyết định thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; các hội đồng tư vấn khác. [H1-1.2-02] Hồ sơ thi đua khen thưởng hàng năm.

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường thành lập đầy đủ các hội đồng theo đúng quy định.
- Các hội đồng hoạt động nền nếp, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Công tác thi đua khen thưởng được triển khai thường xuyên, công khai và dân chủ.
- Hồ sơ thi đua khen thưởng được lưu trữ đầy đủ, đảm bảo tính pháp lý.
- Đội ngũ cán bộ, giáo viên tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua của ngành và địa phương.

3. Điểm yếu:

Một số thành viên hội đồng còn hạn chế trong công tác tham mưu, đề xuất các giải pháp đổi mới hoạt động.

Nội dung và hình thức thi đua đôi lúc chưa thật sự phong phú.

Việc phát hiện, nhân rộng điển hình tiên tiến có thời điểm còn chậm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật và các hội đồng tư vấn khác trong nhà trường góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Hội đồng thi đua khen thưởng và các hội đồng khác cần rà soát, điều chỉnh, đánh giá hoạt động thường xuyên, kịp thời và hiệu quả.

Thời gian thực hiện trong các kì họp định kì và đột xuất của các hội đồng.

Đổi mới nội dung và hình thức thi đua gắn với nhiệm vụ đổi mới giáo dục và chuyên đổi số.

Kịp thời phát hiện, biểu dương và nhân rộng các điển hình tiên tiến trong nhà trường.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác thi đua khen thưởng.

Người thực hiện: Hiệu trưởng, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.

Thời gian thực hiện: Từ năm học 2026-2027 và duy trì thường xuyên.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		-	

Đạt: Mức 2

Tiêu chí 1.3. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức theo quy định.

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định

b) Hoạt động theo quy định.

c) Hàng năm các hoạt động được rà soát đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 1 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Chi bộ Đảng, Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Liên đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh của nhà trường được thành lập, kiện toàn và hoạt động theo đúng quy định hiện hành. Chi bộ có Bí thư, Phó Bí thư được chuẩn y theo quy định; Chi đoàn có Bí thư Chi đoàn; Liên đội có Tổng phụ trách Đội được bổ nhiệm theo quy định. [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

Hàng năm, Chi bộ, Chi đoàn và Liên đội xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể, phù hợp với nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ năm học của nhà trường. Các tổ chức thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ Đảng, Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Điều lệ Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05].

Chi bộ thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo chương trình kiểm tra giám sát hàng năm; định kỳ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của đảng viên và tổ chức đảng. Các tổ chức Đoàn, Đội tiến hành sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động theo quy định. [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07].

Chi bộ trường PTDTBT THCS Phì Nhừ gồm 16 đảng viên, qua Đại hội chi bộ nhiệm kỳ 2025-2027 ngày 05/3/2025 đã bầu Ban Chi ủy gồm 05 đồng chí theo đúng quy định tại Điều lệ Đảng. Chi bộ có nghị quyết theo nhiệm kỳ, kế hoạch hoạt động hàng năm, hoạt động đúng Điều lệ Đảng. Chi bộ lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền và các đoàn thể thực hiện nhiệm vụ giáo dục và hoạt động của các đoàn thể. Đảng viên trong chi bộ thực hiện nghiêm túc Điều lệ Đảng, không vi phạm những Điều đảng viên không được làm, Chi bộ luôn quan tâm đến công tác giáo dục tư tưởng chính trị, xây dựng tổ chức, phát triển đảng viên mới, tạo nguồn cán bộ. Trong các năm 2025 Chi bộ được Đảng bộ Xã Xa Dung đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ và được công nhận là Chi bộ trong sạch vững mạnh [H1-1.3-08].

2. Điểm mạnh:

Tổ chức Đảng và các đoàn thể trong nhà trường được thành lập và hoạt động theo đúng quy định; xây dựng kế hoạch hoạt động rõ ràng, đúng chức năng, sát với nhiệm vụ năm học. Có nhiều đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường, nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Điểm yếu

Nội dung một số hoạt động Đoàn, Đội chưa thật sự phong phú, chưa thu hút được tất cả học sinh tham gia tích cực.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2026- 2027 đổi mới nội dung, hình thức tổ chức các hoạt động Đoàn, Đội theo hướng thiết thực, phù hợp với tâm lý lứa tuổi học sinh; tăng cường các hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống và giáo dục truyền thống. Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động của các tổ chức; kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Đạt: Mức 3

Tiêu chí 1.4. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường có 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng đảm bảo tiêu chuẩn theo đúng quy định tại Điều 11, Điều lệ trường THCS, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.4-01], [H1-1.4-02].

Các tổ chuyên môn gồm: tổ KHTN, KHXX, tổ bán trú của nhà trường được thành lập theo đúng quy định tại Điều 14, Điều lệ trường THCS, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). [H1-1.4-03].

Hàng năm, các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch hoạt động của tổ theo nhiệm vụ năm học; tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ, triển khai các chuyên đề, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá học sinh. [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06].

Các tổ chuyên môn đều thực hiện ít nhất một chuyên đề mỗi năm học nhằm nâng cao chất lượng dạy học. Hoạt động của các tổ được kiểm tra, rà soát, đánh giá thường xuyên thông qua sinh hoạt chuyên môn, kiểm tra nội bộ và đánh giá cuối năm học.

Hoạt động của tổ chuyên môn có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường. Hàng năm, chất lượng đội ngũ giáo viên các tổ chuyên môn đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục: mỗi tổ chuyên môn đều có học sinh giỏi các cấp thuộc các bộ môn do tổ đảm nhiệm, giáo viên dạy giỏi các cấp, được lãnh đạo cấp trên khen thưởng.

2. Điểm mạnh:

Hiệu trưởng nhà trường có năng lực quản lý, có nhiều đổi mới sáng tạo. Phó Hiệu trưởng có năng lực chuyên môn vững vàng. Ban giám hiệu luôn tâm huyết, trách nhiệm, năng động quyết định đến thành công của nhà trường.

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng được thành lập đúng quy định. Các tổ xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo. Các tổ chuyên môn xây dựng được các chuyên đề nhằm tháo gỡ khó khăn, nâng cao chất lượng giáo dục.

Hoạt động của các tổ được định kỳ rà soát, điều chỉnh mục tiêu và các giải pháp thực hiện nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Điểm yếu:

Chất lượng thi học sinh giỏi các môn chưa đồng đều mới chỉ thi các môn: Ngữ văn, Lịch sử địa lý, Khoa học tự nhiên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2026 - 2027 nhà trường tạo điều kiện Khuyến khích các tổ chuyên môn xây dựng nhiều chuyên đề thiết thực, gắn với đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo Chương trình GDPT 2018. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động của các tổ chuyên môn; kịp thời điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

Từ năm học 2026-2027 Ban giám hiệu, các tổ chuyên môn lên kế hoạch ôn học sinh giỏi đồng đều ở các bộ môn.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Đạt: Mức 3.

Tiêu chí 1.5: Lớp học.

Mức 1:

a. Có đủ các lớp của cấp học;

b. Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;

c. Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 40 (bốn mươi) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 40 (bốn mươi) học sinh/lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Năm học 2025 – 2026, nhà trường có đủ các khối lớp từ khối 6 đến khối 9 với 476 học sinh ở 13 lớp, số học sinh bình quân mỗi lớp 36,6 học sinh. Lớp học được tổ chức theo quy định. Đầu mỗi năm học Hiệu trưởng ra quyết định cử các đồng chí giáo viên có chuyên môn vững vàng, nghiệp vụ sư phạm tốt làm công tác chủ nhiệm. [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]

Sĩ số học sinh theo đúng quy định Điều lệ trường trung học: Học sinh được tổ chức theo lớp. Mỗi lớp có 01 lớp trưởng, 02 lớp phó do tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học. Mỗi lớp chia thành nhiều tổ. Mỗi tổ không quá 12 học sinh, có tổ trưởng do các thành viên của tổ bầu ra vào đầu mỗi năm học. Ban cán sự lớp được lớp bầu vào đầu mỗi năm học và có sự thay đổi trong năm học. GVCN xây dựng kế hoạch chủ nhiệm, đề ra các giải pháp quản lí, giáo dục học sinh đạt hiệu quả. [H1-1.5-03]

Mỗi lớp học được chia thành nhiều tổ học sinh; mỗi tổ học sinh có tổ trưởng và tổ phó do học sinh ứng cử hoặc giáo viên chủ nhiệm giới thiệu, được học sinh trong tổ bầu chọn vào đầu mỗi năm học. Hoạt động của lớp học bảo đảm tính dân chủ, tự quản, hợp tác. Mỗi học sinh được chủ động thảo luận, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ và của lớp học với sự hỗ trợ của giáo viên. [H1-1.5-01]; [H1-1.5-03]

Mức 2:

Hàng năm nhà trường có từ 8 lớp đến 12 lớp của cấp học trong 5 năm. [H1-1.5-01]

Sĩ số trong lớp không quá 40 học sinh. [H1-1.5-02]

Mức 3:

Trong 05 năm nhà trường có từ 8 đến 12 lớp của 4 khối học. Mỗi lớp có không quá 40 học sinh/ lớp. [H1-1.1-03]; [H1-1.5-02]

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã có đủ các lớp của cấp học với 4 khối lớp 6, 7, 8, 9. Học sinh được tổ chức theo lớp, nhà trường có không quá 40 lớp, mỗi lớp có không quá 40 học sinh; lớp học được tổ chức đảm bảo theo quy định. Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

3. Điểm yếu:

Năng lực quản lý của một số cá nhân trong ban cán sự lớp (hội đồng tự quản) ở một số lớp chưa đồng đều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức lớp học đúng với quy định Điều lệ trường trung học cơ sở, quan tâm đến việc duy trì sĩ số của học sinh, đầu tư cơ sở vật chất để bố trí sắp xếp số học sinh phù hợp với yêu cầu mới.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-	-
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		-	

Đạt: Mức 2

Tiêu chí 1.6. Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường có đủ chủng loại hồ sơ theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học, được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định của Luật lưu trữ. [H1-1.6-01]

Hàng năm, nhà trường đã lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05]

Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính và tài sản đảm bảo đúng mục đích, công khai đạt hiệu quả phục vụ các hoạt động giáo dục. [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03]; [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06]

Mức 2:

Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính bằng các phần mềm như (<http://s2.pcgd.moet.gov.vn/>, trang web nhà trường <https://ptdtbtthcsphinhx.xadung.edu.vn/>, cơ sở dữ liệu quốc gia <https://csdl.moet.gov.vn/>,...). [H1-1.6-02]

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm được đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán. [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04]; [H1-1.1-03]

Mức 3:

Nhà trường chưa có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đủ chủng loại hồ sơ theo quy định.

Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản, thực hiện công khai tài chính theo quy định. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ đúng theo các quy định hiện hành; quy chế chi tiêu nội bộ được điều chỉnh bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế.

Sử dụng, khai thác các phần mềm quản lý tài sản, tài chính hiệu quả.

Qua kiểm tra giám sát của các cấp có thẩm quyền nhà trường không vi phạm trong công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản.

3. Điểm yếu:

Kế hoạch trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp để sử dụng phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường và địa phương chưa được xây dựng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2026 – 2027 nhà trường cần xây dựng kế hoạch trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp sử dụng phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường và địa phương cần được xây dựng cụ thể cho từng năm.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-	-
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		-	

Đạt: Mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường.

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2: Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường, tổ chuyên môn có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Mỗi giáo viên đều xây dựng kế hoạch cá nhân, kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chuyên môn trường, tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giáo viên giỏi, phân công bồi dưỡng giúp đỡ giáo viên chuyên môn còn hạn chế. Tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.. [H1-1.1-01]; [H1-1.4-04]

Nhà trường phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng hợp lý, đảm bảo hiệu quả các hoạt động. [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02]; [H1-1.7-03]

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định Điều lệ trường trung học và các văn bản hiện hành. Được tạo điều kiện để thực hiện tốt nhiệm vụ, được hưởng mọi quyền lợi theo chế độ, tham gia quản lý nhà trường. Thông qua Hội nghị công nhân viên chức cán bộ, giáo viên, nhân viên được thảo luận, biểu quyết các chỉ tiêu, quyền và nghĩa vụ của mình. [H1-1.7-02]; [H1-1.1-05]; [H1-1.1-03]; [H1-1.7-04]; [H1-1.3-03]

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục. Đầu năm, đầu học kỳ nhà trường căn cứ trên nguyện vọng và năng lực sở trường của mỗi cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tiến hành phân công nhiệm vụ. Có các biện pháp phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục. Tăng cường bồi dưỡng năng lực quản lý cho cán bộ quản lý. Tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, thi đua khen thưởng. [H1-1.1-03]; [H1-1.2-05]

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; Phân công công tác rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường và được đảm bảo quyền theo quy định.

Nhà trường có các biện pháp phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Điểm yếu:

Công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực của một số giáo viên chưa cao dẫn đến hiệu quả công tác giảng dạy chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Phát huy vai trò lãnh đạo của cán bộ quản lý. Phát huy năng lực sở trường của từng giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Xây dựng và triển khai hiệu quả kế hoạch phát triển đội ngũ. Nâng cao chất lượng bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ giáo viên nhân viên, từ đó nâng cao chất lượng giáo dục.

Giao chỉ tiêu tỷ lệ giáo viên dạy giỏi các cấp cho từng tổ chuyên môn, chú trọng nâng cao giáo viên giỏi cấp huyện, tỉnh và đội ngũ giáo viên mới công tác; cử các giáo viên có chuyên môn khá trở lên tham gia các hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường, cấp huyện để tạo nguồn giáo viên cốt cán. Thực hiện bồi dưỡng cho các giáo viên còn hạn chế về chuyên môn trở thành giáo viên vững vàng hơn về chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		-	

Đạt: Mức 2

Tiêu chí 1.8. Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường có kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, theo các văn bản hướng dẫn thực hiện, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Kế hoạch giáo dục được xây dựng, điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế tại nhà trường. [H1-1.1-01]; [H1-1.4-04];

Kế hoạch giáo dục được thực hiện đủ 35 tuần. [H1-1.8-02]

Hàng năm kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời thể hiện đầy đủ trong kế hoạch hoạt động chuyên môn trường theo năm học, học kì, tháng, tuần của nhà trường. [H1-1.8-04]; [H1-1.1-01]; [H1-1.4-04].

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả: Nhà trường được các cấp lãnh đạo tặng nhiều giấy khen ghi nhận các đóng góp của nhà trường trong các hoạt động giáo dục. Hàng năm nhà trường thực hiện bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo đại trà, ôn thi học sinh vào lớp 10. [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.2-02]; [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

3. Điểm yếu: Chưa có nhiều giáo viên cốt cán trong xã, tỉnh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2026 - 2027, Hiệu trưởng tiếp tục xây dựng và triển khai hiệu quả kế hoạch phát triển đội ngũ theo năm học và theo giai đoạn, tập trung vào việc phát huy vai trò lãnh đạo của cán bộ quản lý, phát huy năng lực sở trường của từng cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường, từng bước nâng cao chất lượng cán bộ giáo viên nhân viên, chất lượng giáo dục.

Đẩy mạnh triển khai thực hiện kế hoạch các hoạt động giáo dục. Xây dựng và thực hiện các giải pháp quản lý các hoạt động giáo dục. Tăng cường sử dụng các phần mềm quản lý CB, GV, NV và HS trong nhà trường. Đa dạng các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục, đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

Xây dựng kế hoạch đa dạng hóa các hình thức tổ chức của các hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp cho HS.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt	-	-	-	-

c	Đạt	-	-	-	-
	Đạt	Đạt			-

Đạt: Mức 2**Tiêu chí 1.9. Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.***Mức 1:*

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hàng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng:

Hàng năm cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đã được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường, đặc biệt được tập trung trong Hội nghị cán bộ, viên chức, các cuộc họp hội đồng [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02]; [H1-1.1-04];

Hàng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở thể hiện trong báo cáo thực hiện quy chế dân chủ báo cáo tổng kết năm học của nhà trường và báo cáo tổng kết công đoàn. [H1-1.9-04] ; [H1-1.1-06].

Nhà trường có biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả bằng nhiều hình thức như trên công khai trên bảng tin và trên trang Web của nhà trường. Ban thanh tra nhân dân giám sát các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm của cơ quan, đơn vị theo quy định tại Điều 29 của Nghị định 99/NĐ-CP, ngày 28/7/2005 của Chính phủ. Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm thì kiến nghị người có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật và giám sát việc thực hiện kiến nghị đó. Ngoài ra Công đoàn, các tổ chuyên môn thực hiện việc giám sát thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. Các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường đều được dựa trên ý kiến đóng góp của toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Nhà trường thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, không có đơn khiếu nại, tố cáo. [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03] ;[H1-1.1-06]; [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh:

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Thực hiện nghiêm túc Quy chế dân chủ cơ sở. Không có

đơn khiếu kiện, tố cáo. Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả;

Các ý kiến, góp ý của cán bộ, giáo viên, nhân viên và phụ huynh học sinh được giải quyết triệt để tại nhà trường nên không có tình trạng đơn, thư vượt cấp xảy ra;

Hằng năm nhà trường đều có báo cáo tổng kết về nội dung thực hiện quy chế dân chủ.

3. Điểm yếu:

Ban kiểm tra nội bộ hoạt động chưa thường xuyên liên tục, chưa phát huy hết năng lực giám sát. Nội dung, hình thức tham gia đóng góp ý kiến của cán bộ công chức, viên chức chưa phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Ban kiểm tra nội bộ cần tích cực hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ của mình. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tích cực, có trách nhiệm trong việc tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy quy định, quy chế làm việc của nhà trường; tham gia quản lý nhà trường.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		-	

Đạt: Mức 2

Tiêu chí 1.10. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn bạo lực nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Trong những năm qua, nhà trường luôn có những phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm. [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1 -1.10-05]; [H1-1.10-06]; [H1-1.10-07]; [H1-1.10-08]; [H1-1.10-09]; [H1-1.10-10]; [H1-1.10-11]; [H1-1.10-12]; [H1-1.10-13];

Nhà trường có hòm thư góp ý, cung cấp số điện thoại cố định của Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng để tiếp nhận các thông tin phản ánh của người dân và học sinh đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường [H1-1.1-06];

Trong nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, không có hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà. [H1-1.10-11].

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1 -1.10-05].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. [H1-1.10-07].

2. Điểm mạnh :

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể, khả thi, có các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học được phổ biến hướng dẫn đến toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường. Tiếp nhận và xử lý kịp thời các thông tin về việc

đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Khi phát hiện có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự có các biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Trong những năm qua nhà trường không xảy ra hiện tượng bạo lực học đường, kì thị, vi phạm bình đẳng giới, mất an toàn trường học.

3. Điểm yếu:

Nhận thức của một số học sinh về đảm bảo an toàn phòng chống thương tích cho bản thân chưa cao và còn coi nhẹ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2025 – 2026, nhà trường tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng tập huấn về phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội, phòng chống kỳ thị về giới và bạo lực cho cán bộ, giáo viên, học sinh;

Phối hợp với CMHS, các tổ chức trong và ngoài nhà trường hướng dẫn học sinh phòng chống tai nạn.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-	-
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		-	

Đạt: Mức 2

Kết luận chung về tiêu chuẩn 1

1. Điểm mạnh:

Nhà trường có Kế hoạch giáo dục và phát triển phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời có đầy đủ cơ cấu tổ chức bộ máy, lớp học, số học sinh, chi bộ Đảng, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, các tổ chuyên môn, các tổ chức xã hội khác hoạt động theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công tác quản lý cán bộ giáo viên, nhân viên, quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý hành chính, tài chính, tài sản theo các quy định hiện hành

Hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng kỉ luật và các hội đồng tư vấn khác được thành lập theo đúng quy định. Các hội đồng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Định kì rà soát, đánh giá, điều chỉnh phù hợp với thực tế của địa phương và nguồn lực của nhà trường. Hoạt động của các hội

đồng góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Kết quả chất lượng 2 mặt giáo dục của nhà trường được nâng lên rõ rệt qua các năm.

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức khác như: Đoàn TNCS, Đội TNTTP Hồ Chí Minh... được thành lập và hoạt động theo đúng quy định. Xây dựng kế hoạch hoạt động rõ ràng, đúng chức năng, nhiệm vụ. Có nhiều đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường, nâng cao chất lượng giáo dục. Chi bộ Đảng nhiều năm liền là Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ được công nhận là chi bộ trong sạch vững mạnh.

Đội ngũ Ban giám hiệu đạt chuẩn trình độ, có năng lực quản lý, kinh nghiệm công tác.

Các tổ chuyên môn được thành lập đúng quy định. Các tổ xây dựng kế hoạch cụ thể chi tiết, tổ chức thực hiện kế hoạch hiệu quả. Hằng năm, mỗi tổ môn xây dựng được 2 chuyên đề nhằm tháo gỡ khó khăn, nâng cao chất lượng giáo dục. Hoạt động của các tổ được định kì rà soát, điều chỉnh mục tiêu và các giải pháp thực hiện nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

Nhà trường có đủ các lớp của cấp học. HS được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định, hoạt động theo nguyên tắc tự quản dân chủ.

Nhà trường có đủ chủng loại hồ sơ theo quy định. Các loại hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đầy đủ và khoa học.

Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định. Hằng năm có báo cáo quyết toán, thống kê tài chính. Báo cáo công khai tài chính. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ đúng theo các quy định hiện hành. Quy chế chi tiêu nội bộ được điều chỉnh bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế.

Sử dụng các phần mềm quản lý giáo viên, quản lý tài chính. Khai thác hiệu quả phần mềm quản lý tài sản, quản lý thiết bị.

Qua kiểm tra giám sát của các cấp có thẩm quyền nhà trường không vi phạm trong công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản.

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; Phân công sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường; Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo quyền theo quy định. Đồng thời có các biện pháp phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục.

Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế nhà trường và địa phương và điều kiện nhà trường; Kế hoạch giáo dục được thể hiện đầy đủ và được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Nhà trường xây dựng và thực hiện khá tốt quy chế dân chủ ở cơ sở: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Hằng năm nhà trường không có đơn khiếu nại, tố cáo. Các kiến nghị, phản ánh của CB, GV, NV, cha mẹ HS thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đầy đủ đúng pháp luật. Hằng năm nhà trường thực hiện tốt công tác báo cáo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở của nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch hiệu quả.

Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho HS và cho CB, GV, NV; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong trường.

2. Điểm yếu:

Công tác rà soát, bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch giáo dục nhà trường và đánh giá hoạt động của các kế hoạch giáo dục trong nhà trường thực hiện có lúc còn chậm.

Hoạt động của tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác có lúc chưa sôi nổi, chưa quyết liệt dẫn tới hiệu quả của một số hoạt động chưa cao. Số lượng đội viên được kết nạp Đoàn Hằng năm còn thấp dẫn tới số lượng đoàn viên trong chi đoàn còn ít khó khăn cho việc tổ chức các hoạt động của chi đoàn.

Công tác xây dựng kế hoạch hoạt động tháng của các tổ có tháng còn chung chung chưa chi tiết chưa thể hiện rõ các công việc cần làm của TT, TP và tổ viên.

Trong mỗi tổ chuyên môn gồm giáo viên thuộc nhiều môn học. Có môn chỉ có 01 giáo viên như: môn Tin học, Âm nhạc, Mĩ thuật, GDCD, Công nghệ, nên gặp nhiều khó khăn cho việc trao đổi bồi dưỡng chuyên môn.

Công tác tự bồi dưỡng chuyên môn của một số thành viên trong tổ còn chưa thường xuyên, chưa hiệu quả dẫn đến kết quả giáo dục chung của tổ chuyên môn một số môn còn hạn chế.

Năng lực tự quản của một số HS trong ban cán sự lớp ở một số lớp còn hạn chế nên hiệu quả tự quản chưa cao.

Điều kiện kinh tế của địa phương còn nghèo nên việc huy động nguồn tài chính ngoài ngân sách để hỗ trợ các hoạt động giáo dục chưa được nhiều.

Hình thức tổ chức của các buổi hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp chưa được phong phú.

Ban thanh tra nhân dân hoạt động chưa thường xuyên liên tục, chưa phát huy hết năng lực giám sát. Nội dung, hình thức tham gia đóng góp ý kiến của cán bộ công chức, viên chức chưa phong phú.

Việc phối hợp giữa nhà trường với công an xã Xa Dung, với trạm y tế xã đã thực hiện nhưng chưa được thể hiện bằng các văn bản phối hợp cụ thể.

Một vài GVCN còn chưa quan tâm, triển khai triệt để vấn đề giới tính và bình đẳng giới. Một số ít HS còn hạn chế về kỹ năng phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, thiên tai dịch bệnh.

3. Tự đánh giá: Đạt mức 2

+ Số lượng các tiêu chí đạt mức 1: 10/10

+ Số lượng các tiêu chí đạt mức 2: 9/9

+ Số lượng các tiêu chí đạt mức 3: 3/4

Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: **Đạt mức 2.**

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mở đầu:

Trường PTDTBT THCS Phì Nhừ có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức và thực hiện các hoạt động giáo dục theo quy định của Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Điều lệ trường học ban hành kèm theo Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT.

Ban giám hiệu gồm 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng được bổ nhiệm theo quy định; có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục phù hợp với vị trí việc làm.

Đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, cơ cấu cơ bản phù hợp để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm được phân công thực hiện các nhiệm vụ theo điều kiện thực tế của đơn vị. Tuy nhiên, một số vị trí như Văn thư, Thư viện - Thiết bị, Thủ quỹ còn do giáo viên kiêm nhiệm nên ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả công việc.

Học sinh nhà trường cơ bản đảm bảo độ tuổi theo quy định, thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện; được đảm bảo các quyền theo Điều lệ trường học hiện hành; tích cực tham gia các hoạt động giáo dục, văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học và các phong trào của nhà trường.

Các tổ chức bộ máy trong nhà trường và cá nhân được phân công nhiệm vụ cụ thể công việc theo kế hoạch năm học.

Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.

Mức 1:

a) Đạt chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường có 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng được bổ nhiệm theo đúng quy định. Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đạt chuẩn trình độ đào tạo, có văn bằng, chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với quy định hiện hành. Hiệu trưởng có trình độ Đại học Quản lý giáo dục; 01 Phó Hiệu trưởng có trình độ Thạc sĩ Toán; 01 Phó Hiệu trưởng có trình độ Đại học Lịch sử. [H2-2.1-01]; [H1-1.4-01]

Hàng năm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được đánh giá theo quy định chuẩn Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng xếp loại khá trở lên. [H2-2.1-02].

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đã được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị, quản lý giáo dục, quản lý nhà nước. Hiệu trưởng có bằng Đại học Quản lý giáo dục, trung cấp lý luận chính trị và chứng chỉ quản lý nhà nước; 02 Phó Hiệu trưởng có bằng trung cấp lý luận chính trị, chứng chỉ bồi dưỡng quản lý giáo dục và quản lý nhà nước. Hàng năm Hiệu trưởng và hai Phó Hiệu trưởng được tham gia lớp bồi dưỡng thường xuyên theo quy định. [H2-2.1-01]; [H2-2.1-03]; [H2-2.1-05].

Mức 2:

Trong 04 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn ở mức khá trở lên, cụ thể: năm học 2022-2023 Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được đánh giá ở mức tốt; năm học 2023-2024 Hiệu trưởng được đánh giá ở mức tốt, 01 phó hiệu trưởng được đánh giá ở mức tốt và 01 phó hiệu trưởng được đánh giá ở mức khá; Năm học 2024-2025 và năm 2025- 2026 Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng được đánh giá ở mức tốt. [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03]

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đã đào tạo trình độ trung cấp lý luận chính trị theo quy định. Có nhiều kinh nghiệm và năng lực quản lý tốt, tích cực, nhiệt tình, có trách nhiệm cao, năng động, sáng tạo trong quá trình triển khai các hoạt động giáo dục nhà trường hàng năm được giáo viên và nhân viên trong trường tín nhiệm. [H2-2.1-04]; [H2-2.1-06].

Mức 3:

Trong 04 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn ở mức khá trở lên, cụ thể: năm học 2022-

2023 Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được đánh giá ở mức tốt; năm học 2023-2024 Hiệu trưởng được đánh giá ở mức tốt, 01 phó hiệu trưởng được đánh giá ở mức tốt và 01 phó hiệu trưởng được đánh giá ở mức khá; năm học 2024-2025 và năm học 2025- 2026 Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng được đánh giá ở mức tốt. [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

2. Điểm mạnh:

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đạt chuẩn trình độ đào tạo; được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, lý luận chính trị theo quy định. Hằng năm, cán bộ quản lý được đánh giá chuẩn từ mức khá trở lên.

3. Điểm yếu:

Trong năm học 2022-2023 Hiệu trưởng chưa được xếp loại chuẩn Hiệu trưởng ở mức Tốt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2026-2027 và các năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục tạo điều kiện để Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng tham gia các lớp bồi dưỡng về quản trị nhà trường, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và AI trong quản lý giáo dục;

Phân đầu duy trì kết quả đánh giá chuẩn hiệu trưởng ở mức khá, tốt.

5. Tự đánh giá:

Kết quả: Đạt mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; *đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;*

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường có số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục. [H2-2.2-01]; [H1-1.7-03].

Hiện tại nhà trường có tổng số 22 giáo viên, đạt 100% chuẩn trình độ đào tạo; trong đó 21 giáo viên có trình độ đại học chiếm 95,4% và 01 giáo viên có trình độ trên đại học chiếm 4,6%. [H2-2.2-01]; [H2-2.2-03].

Hàng năm có 100% giáo viên được hiệu trưởng đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên tính đến thời điểm đánh giá [H2-2.2-02].

Mức 2:

Trong 04 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên chuẩn trình độ đào tạo và trên chuẩn được duy trì ổn định. [H2-2.2-01]; [H2-2.2-03].

Trong 04 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có trên 50% ở mức khá trở lên, cụ thể chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên: năm học 2022-2023 đạt 95,2%; năm học 2023-2024 đạt 95,8%; năm học 2024- 2025 và năm học 2025-2026 đạt 100%. [H2-2.2-02]; [H1-1.1-06]

Giáo viên nhà trường có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh thông qua các hoạt động giáo dục; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học, Sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng, chống bạo lực học đường; trong 04 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-04]; [H2-2.2-05]; [H1-1.8-04]; [H1-1.1-06].

Mức 3:

Trong 04 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá số giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp duy trì được ở mức khá và ở mức tốt theo quy định, cụ thể: năm học 2022-2023 giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở khá chiếm 95,2%, mức tốt chiếm 4,8%; năm học 2023 – 2024 giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá chiếm 75%, mức tốt chiếm 20,8%; năm học 2024- 2025 giáo viên đạt mức khá chiếm 69,6%, mức tốt chiếm 30,4%; năm học 2025- 2026 giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá chiếm 54,5%, mức tốt chiếm 45,5% [H2-2.2-02].

Trong 04 năm liên tiếp nhà trường đạt 03 giáo viên hướng dẫn có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học, 15 sáng kiến cấp cơ sở, 02 Sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng, chống bạo lực học đường, cụ thể: năm học 2022- 2023 không có giáo viên hướng dẫn báo cáo nghiên cứu khoa học, có 01 sáng kiến kinh nghiệm; năm học 2023- 2024 nhà trường có 01 giáo viên hướng dẫn báo cáo nghiên cứu khoa học, có 02 sáng kiến kinh nghiệm; năm học 2024- 2025 nhà trường có 01 giáo viên hướng dẫn báo cáo nghiên cứu khoa học, có 06 sáng kiến kinh nghiệm; năm học 2025- 2026 nhà trường có 01 giáo viên hướng dẫn báo cáo nghiên cứu khoa học, 06 sáng kiến cơ sở, 02 sản phẩm về Sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng, chống bạo lực học đường. [H2-2.2-05]; [H2-2.2-04].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục; 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo và đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức đạt trở lên.

Giáo viên nhà trường tích cực tham gia hoạt động giáo dục, có khả năng tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học, ý tưởng khởi nghiệp, sáng tạo thanh thiếu niên, Sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng, chống bạo lực học đường và viết sáng kiến kinh nghiệm. Số lượng sáng kiến cơ sở của giáo viên tăng dần qua các năm.

3. Điểm yếu:

Nhà trường có số giáo viên có trình độ trên chuẩn còn ít; Trong năm học 2022- 2023 không có kết quả hướng dẫn nghiên cứu khoa học; giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt còn thấp (chiếm 4,8%)

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2026 – 2027 và các năm tiếp theo nhà trường khuyến khích giáo viên tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nâng trình độ đào tạo đạt trên chuẩn, bồi dưỡng chương trình GDPT 2018, chuyển đổi số và ứng dụng AI trong dạy học; tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.

Xây dựng kế hoạch cụ thể, tổ chức thi đua, giao chỉ tiêu cho giáo viên phấn đấu để đảm bảo đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt, đạt kết quả hướng dẫn nghiên cứu khoa học kỹ thuật cấp tỉnh, tăng số lượng và chất lượng đề tài sáng kiến cơ sở và cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên.

5. Tự đánh giá:

Kết quả: Đạt mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm.
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường có 01 nhân viên Kế toán; 01 nhân viên Y tế; 01 bảo vệ hợp đồng; có giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công như: Thủ quỹ, Thiết bị - Thư viện, Văn thư [H1-1.7-02].

Nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm được phân công công việc phù hợp với năng lực, vị trí việc làm và điều kiện thực tế của nhà trường. [H1-1.7-02].

Đội ngũ nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm thực hiện nghiêm túc, đạt hiệu quả công việc được giao và được Hiệu trưởng đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên, cụ thể: **trong 04 năm nhân viên Kế toán đánh giá hoàn tốt nhiệm vụ; nhân viên Y tế được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; nhân viên nấu ăn và bảo vệ, giáo viên kiêm nhiệm hoàn thành nhiệm vụ trở lên.** [H2-2.3-02]; [H1-1.1-06].

Mức 2:

Hiện tại nhà trường có 01 nhân viên Kế toán, 01 nhân viên Y tế, có 04 giáo viên kiêm nhiệm ở các vị trí Thủ quỹ, Thiết bị - Thư viện, Văn thư; **có 06 nhân viên nấu ăn và 01 bảo vệ hợp đồng** [H1-1.7-02]; [H1-2.3-01].

Trong 04 năm tình đến thời điểm đánh giá nhà trường không có nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-02]; [H1-1.1-06]

Mức 3:

Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng theo vị trí việc làm như nhân viên Kế toán và Y tế có trình độ đại học, **nhân viên hợp đồng phục vụ nấu ăn có 01 nhân viên trình độ sơ cấp nấu ăn.** Giáo viên kiêm nhiệm không được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ vị trí được phân công như: Thủ quỹ, Thiết bị - Thư viện, Văn thư ảnh hưởng đến chất lượng công việc. [H1-2.3-01]; [H2-2.3-03]; [H2-2.3-05]; [H2-2.3-04]

Hằng năm, nhân viên Kế toán, Y tế, giáo viên kiêm nhiệm được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm [H2-2.3-04].

2. Điểm mạnh:

Nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm có tinh thần trách nhiệm, thực hiện có hiệu quả công việc được giao.

3. Điểm yếu:

Nhà trường chưa có đủ nhân viên chuyên trách theo quy định. Một số vị trí việc làm như Văn thư, Thư viện - Thiết bị, Thủ quỹ do giáo viên kiêm nhiệm

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2026-2027 và các năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục tham mưu với cấp có thẩm quyền bổ sung nhân viên theo vị trí việc làm.

Nhà trường tạo điều kiện cho giáo viên kiêm nhiệm tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn để nâng cao hiệu quả công việc.

5. Tự đánh giá:

Kết quả: Đạt mức 2.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh.

Mức 1:

- a) *Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*
- b) *Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) *Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Đa số học sinh nhà trường đi học đúng độ tuổi quy định của Điều lệ trường trung học, học sinh vào lớp 6 đảm bảo trong độ tuổi từ 11 đến 13 tuổi. [H2-2.4-04]

Học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 32 Thông tư số 15/2026/TT- BGDĐT về học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường. Phần lớn học sinh trong trường lễ phép với thầy cô và người lớn tuổi, đoàn kết giúp đỡ nhau trong học tập, rèn luyện. biết rèn luyện thân thể và vệ sinh cá nhân, giữ gìn bảo vệ tài sản của nhà trường, nơi công cộng; góp phần xây dựng bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường [H1-1.5-02]; [H1-1.5-01]; [H1-1.1-03].

HS của nhà trường được đảm bảo đầy đủ các quyền tại Điều 33 Thông tư số 15/2026/TT- BGDĐT Điều lệ trường THCS tham gia các cuộc thi HSG; nghiên cứu Khọc học kỹ thuật; sáng tạo thanh thiếu niên; **sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng, chống bạo lực học đường**; tìm hiểu quy định pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, công tác phong trào Văn nghệ - thể dục thể thao [H2-2.4-01]; [H2-2.4-02]; [H2-2.4-03]; [H2-2.2-04]; [H2-2.2-05].

Mức 2:

Hằng năm, những học sinh vi phạm nội quy trường, lớp được được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực. [H1-1.2-02]; [H1-1.5-03]; [H1-1.5-02].

Mức 3:

Hằng năm nhà trường có học sinh tham dự các cuộc thi như: Học sinh giỏi, hội thao các cấp, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, sáng tạo thanh thiếu niên, **sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng, chống bạo lực học đường**, tìm hiểu quy định pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ. QĐ khen thưởng HS tham gia các cuộc thi HSG, nghiên cứu Khoa học kỹ thuật, ý tưởng khởi nghiệp, sáng tạo thanh thiếu niên, **sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng, chống bạo lực học đường**, tìm hiểu quy định pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, công tác phong trào Văn nghệ - thể dục thể thao [H2-2.4-01]; [H2-2.4-02]; [H2-2.2-04]; [H2-2.2-05].

Học sinh có thành tích trong học tập, QĐ khen thưởng HS tham gia các cuộc thi HSG, nghiên cứu Khoa học kỹ thuật, sáng tạo sáng tạo thanh thiếu niên, công tác phong trào Văn nghệ - thể dục thể thao có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường. [H2-2.4-02]; [H1-1.4-07]; [H2-2.2-04]; [H2-2.2-05].

2. Điểm mạnh:

Học sinh nhà trường đi học phần lớn là đúng độ tuổi quy định, thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của học sinh theo Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT Điều lệ trường Trung học cơ sở.

Hằng năm, nhà trường có số lượng học sinh tham gia đội tuyển các cuộc thi HSG, nghiên cứu Khoa học kỹ thuật, ý tưởng khởi nghiệp, sáng tạo sáng tạo thanh thiếu niên, **sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng, chống bạo lực học đường**, tìm hiểu quy định pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và công tác phong trào Văn nghệ - thể dục thể thao đạt thành tích tăng lên có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

3. Điểm yếu:

Số lượng học sinh đạt giải cao trong các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2026-2027 và các năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục tăng cường rèn luyện, giáo dục kỹ năng sống; phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu; duy trì và nâng cao hiệu quả các câu lạc bộ học tập, văn nghệ, thể thao; nâng cao chất lượng đội tuyển học sinh giỏi, nghiên cứu khoa học kỹ thuật và các hoạt động trải nghiệm.

5. Tự đánh giá:

Kết quả: Đạt mức 3.

Kết luận về tiêu chuẩn 2

1. Điểm mạnh:

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đảm bảo chuẩn trình độ đào tạo theo quy định. Tính đến thời điểm đánh giá Hiệu trưởng có 02 năm được đánh giá ở mức tốt, 2 Phó Hiệu trưởng có 02 năm được đánh giá ở mức Khá trở lên.

Nhà trường có số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục. Đội ngũ giáo viên được Hiệu trưởng đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên trong đó mức xếp loại tốt và khá, cụ thể: năm học 2022-2023 đạt 95,2%; năm học 2023-2024 đạt 95,8%; năm học 2024- 2025 và năm học 2025-2026 đạt 100%.

Giáo viên nhà trường tích cực tham gia hoạt động giáo dục, có khả năng tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học, ý tưởng khởi nghiệp, sáng tạo thanh thiếu niên, Sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng, chống bạo lực học đường và viết sáng kiến kinh nghiệm. Số lượng sáng kiến cơ sở của giáo viên tăng dần qua các năm.

Nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm thực hiện có hiệu quả công việc được giao.

Học sinh nhà trường đi học đúng độ tuổi quy định, thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của học sinh theo Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT Điều lệ trường Trung học cơ sở.

Hàng năm, nhà trường có đội tuyển học sinh đạt thành tích trong Văn nghệ - thể thao, các cuộc thi, học tập và rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

2. Điểm yếu:

Trong 03 năm Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được đánh giá ở mức tốt còn hạn chế: Hiệu trưởng có 01 năm chưa đạt mức chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt; 2 phó Hiệu trưởng có 01 năm xếp loại khá, 03 năm xếp loại tốt.

Nhà trường tỉ lệ giáo viên đạt trình độ đào tạo trên chuẩn còn hạn chế.

Các vị trí việc làm: Thủ quỹ, Y tế học đường, Thiết bị - Thư viện, Văn thư do giáo viên kiêm nhiệm.

Số học sinh đạt giải cao trong các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học chưa nhiều.

3. Kết quả tự đánh giá: Đạt mức 2.

- Số tiêu chí đạt mức 1: $4/4 = 100\%$.
- Số tiêu chí đạt mức 2: $4/4 = 100\%$.
- Số tiêu chí đạt mức 3: $2/4 = 50\%$.

Tiêu chuẩn: 3 . Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.

Mở đầu:

Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học là một trong những yếu tố quan trọng đáp ứng nhu cầu dạy - học của giáo viên, học sinh. Nhà trường có khu sân chơi, bãi tập nhưng chưa đảm bảo các điều kiện theo quy định; có Khối phòng học nhưng chưa có phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập; Khối phòng hành chính - quản trị; Khu vệ sinh mới có 02 khu nam, 01 khu nữ nhưng chưa đảm bảo quy định. Chưa có hệ thống cấp thoát nước xung quanh trường; Thiết bị; Thư viện được bố trí sắp xếp hợp lý.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập.

Mức 1:

- a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục.
- b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh.
- c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2: Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3: Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m^2 /học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m^2 /học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường có khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục, có biên bản kiểm tra hiện trạng khu đất để đầu tư xây dựng công trình [H3-3.1-01].

Nhà trường có cổng trường, biển tên trường đảm bảo theo quy định Góc phía trên, bên trái: Dòng thứ nhất: Ủy ban Nhân dân huyện và tên huyện, Dòng thứ hai: Phòng Giáo dục và Đào tạo; Ở giữa ghi tên trường theo quy định; Dưới cùng là địa chỉ, số điện thoại, có tường rào bao quanh đảm bảo an ninh trật tự theo quy định [H3-3.1-02].

Có khu sân chơi, bãi tập, có thiết bị tối thiểu, đảm bảo để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường [H3-3.1-02].

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục, có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động [H1-1.1-03].

Mức 3:

Tổng diện tích của nhà trường đang sử dụng là 9360,05m², đảm bảo đạt 26,9m²/học sinh [H1-1.1- 03]; [H3-3.1-01].

Nhà trường có diện tích mặt bằng và khu sân chơi, bãi tập diện tích 3600 m² /9360,05 m² chiếm tỉ lệ 38,5% tổng diện tích toàn trường, đảm bảo nhu cầu vui chơi và học tập cho học sinh, khu bãi tập có đủ các thiết bị thể dục thể thao. [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, diện tích đất 9360,05m² đảm bảo cho các hoạt động của nhà trường, có hệ thống cây xanh, cây cảnh được bố trí khoa học. Khu sân chơi, bãi tập rộng rãi (3600m²) đảm bảo đúng quy định thực hiện các hoạt động tập thể ngoài giờ. Có tường rào bao quanh đảm bảo an ninh trật tự cho các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cấp có thẩm quyền. Hệ thống cây xanh bóng mát chưa đảm bảo cho các hoạt động ngoài trời của học sinh vào mùa nắng.

Có 54m tường rào kiên cố, còn lại là rào bằng thép B40 và tà luy dương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Đề nghị cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhà trường.

Năm 2025-2026 nhà trường tiếp tục đề nghị cấp có thẩm quyền đầu tư xây dựng thêm tường rào bao quanh.

Đầu tư thêm các thiết bị tối thiểu để đáp ứng hoạt động thể dục thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Tiếp tục xây dựng cảnh quan nhà trường, tăng cường trồng, chăm sóc cây bóng mát, cây cảnh tạo khuôn viên xanh, sạch, đẹp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập.

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày.

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định.

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3: Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường có 12 phòng học/12 lớp đảm bảo cho công tác dạy và học. Các phòng học đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, có đủ bàn ghế của học sinh, bàn ghế của giáo viên, có bảng đảm bảo theo quy định. Hệ thống bàn ghế học sinh, giáo viên, bảng trong lớp đảm bảo đúng kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc đảm bảo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế [H3-3.2-01].

Có 01 phòng Bộ môn Khoa học Tự nhiên, 01 phòng bộ môn Khoa học xã hội, 01 phòng Nghệ thuật, 01 phòng Ngoại ngữ 49m², 01 phòng Tin học 49m² 01 phòng đa chức năng [H3-3.3-01].

Có 01 phòng hoạt động Đoàn đội- Công đoàn 15m²; 01 phòng thiết bị 42m²; 01 phòng thư viện 60m² và 01 phòng truyền thống 54m² [H3-3.3-01].

Mức 2:

Phòng học, phòng học bộ môn của nhà trường được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, có đầy đủ các thiết bị dạy học, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập

Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định [H3-3.1-02].

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh:

Hệ thống phòng học; phòng học bộ môn có đầy đủ trang thiết bị đảm bảo đạt theo quy định; đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát được bố trí khoa học.

3. Điểm yếu

Chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.

Phòng học khoa học tự nhiên còn ghép nhiều môn học ảnh hưởng đến công tác dạy học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tham mưu UBND huyện xây dựng phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.

Bố trí các phòng học, phòng học bộ môn hợp lí, thuận lợi để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt. Thường xuyên vệ sinh phòng học, theo dõi việc sử dụng các phòng bộ môn hiệu quả, nhắc nhở học sinh việc bảo vệ tài sản thiết bị, rà soát kiểm kê thiết bị, tài sản trong các phòng để có kế hoạch bổ sung kịp thời các thiết bị hư hỏng.

Ban giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn quan tâm theo dõi động viên thường xuyên đến học sinh có hoàn cảnh đặc biệt và học sinh khuyết tật, tạo điều kiện cho các em học tập hòa nhập.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.3: Khôi hành chính - quản trị.

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính, quản trị của nhà trường.

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khôi hành chính - quản trị.

Mức 2: Khôi hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3: Khôi hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1.Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có Khôi hành chính - quản trị gồm các phòng: 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó hiệu trưởng, 01 Văn phòng trường, 01 phòng Y tế, 01 phòng Bảo vệ, 01 phòng Công Đoàn – Đoàn Đội, 01 nhà kho.

Khu để xe giáo viên và học sinh được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự, đáp ứng được nhu cầu để xe của giáo viên và học sinh. Hàng năm, nhà trường đều tiến hành sửa chữa, mua sắm bổ sung các thiết bị cho khôi hành chính - quản trị [H3-3.1-02]; [H3-3.3-01]; [H3-3.1-02].

Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường

Mức 2:

Khôi hành chính - quản trị theo quy định; nhà trường có 13 phòng nội trú học sinh, 01 bếp ăn, 01 nhà ăn đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.1-02]; [H3-3.3-06]; [H3-3.3-08].

Mức 3:

Khôi hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường [H3-3.3-05].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

3. Điểm yếu:

Nhà trường còn 02 máy photocopy, 01 máy tính sách tay, 01 máy in canon 2900 đã sử dụng lâu ngày, đã xuống cấp, còn hay hỏng hóc chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng phô tô tài liệu, đề kiểm tra, ... của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Ban Giám hiệu tích cực tham mưu với UBND huyện tạo để đầu tư xây dựng các phòng hành chính quản trị nhằm phục vụ cho hoạt động của nhà trường được thuận lợi.

Tiếp tục xây dựng quy chế khai thác, sử dụng tài sản công ở đơn vị để việc khai thác sử dụng các thiết bị văn phòng của đơn vị được hiệu quả, hạn chế tối đa sự hư hỏng, lãng phí.

Hàng năm tăng cường mua sắm các trang thiết bị y tế theo quy định để phục vụ tốt việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước và xử lý nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định.

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ GDĐT.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường có hai khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh, giáo viên, nhân viên [H3-3.4-01]; [H3-3.4-04].

Có hệ thống cấp nước đảm bảo vệ sinh môi trường. Có nguồn nước sạch đảm bảo vệ sinh môi trường, có máy lọc nước cung cấp đủ nguồn nước sạch, đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.4-02]; [H3-3.4-05].

Có 02 khu hồ rác: 01 bên trường và 01 bên khu nội trú. Rác thải được thu gom và xử lý hàng ngày nhưng chưa đảm bảo theo đúng quy trình [H3-3.4-03].

Mức 2:

Khu vệ sinh thuận tiện, phù hợp với cảnh quan và theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12 tháng 5 năm 2016 quy định về công tác y tế trường học [H3-3.4-01].

Nhà trường có nguồn nước đảm bảo vệ sinh môi trường, có máy lọc nước cung cấp đủ nguồn nước sạch, đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.4-02]; [H3-3.4-05].

2. Điểm mạnh:

Trường có 02 khu vệ sinh riêng biệt cho học sinh nam, nữ, 02 khu vệ sinh riêng biệt cho học sinh nam, nữ đáp ứng nhu cầu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và toàn thể học sinh.

Trường có hệ thống nước sạch, hệ thống thoát nước cho tất cả các khu vực. Việc thu gom và xử lý rác đảm bảo vệ sinh, giữ gìn môi trường luôn sạch và đẹp.

Nhà trường có khu thu gom xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh, giữ gìn môi trường.

3. Điểm yếu:

Nhà trường chưa có hệ thống thoát nước ngầm xung quanh trường. Nhà vệ sinh học sinh thời gian sử dụng đã lâu chưa được nâng cấp sửa chữa. Việc thu gom và xử lý chất thải chưa đáp ứng theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tham mưu với các cấp, các ngành, huy động nguồn kinh phí đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp nhà vệ sinh cho học sinh, xây dựng hệ thống thoát nước ngầm xung quanh trường, đảm bảo vệ sinh môi trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

- a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;
- b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;
- c) Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

- a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;
- b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;
- c) Hàng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường (5 máy tính, 5 máy in, 3 máy photocopy... để phục vụ văn phòng, 21 máy tính phục vụ giảng dạy), hệ thống máy tính được kết nối internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học [H3-3.5-01]; [H3-3.5-04].

Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định; Các phòng bộ môn đều được trang bị các dụng cụ, vật dụng phục vụ cho công tác chuyên môn [H3-3.5-01].

Đầu năm, cuối năm học, nhà trường đều tiến hành kiểm kê và tiến hành sửa chữa để phục vụ các hoạt động của nhà trường, có ghi biên bản kiểm kê thiết bị [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].

Mức 2:

Hệ thống công nghệ thông tin kết nối internet và website của nhà trường đã đáp ứng yêu cầu dạy, học và quản lý nhà trường, có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định: sách giáo khoa, bản đồ, các phương tiện phục vụ cho công tác dạy và học [H3-3.5-04]; [H3-3.5-05].

Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, bảo dưỡng sửa chữa và mua sắm thêm những thiết bị, hoá chất đã hết và được cấp bổ sung. Đội ngũ cán bộ

giáo viên tích cực tự làm một số đồ dùng dạy để tăng hiệu quả giờ dạy [H3-3.5-06].

Mức 3:

Các phòng học bộ môn có đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H3-3.5-01].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường, hệ thống máy tính được kết nối internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học.

Có đủ thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ nhu cầu sử dụng của giáo viên và học tập của học sinh, đảm bảo quy định của Bộ GD&ĐT. Công tác sử dụng và bảo quản đồ dùng thiết bị dạy học hằng năm được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

3. Điểm yếu:

Hệ thống máy chiếu, trang thiết bị dạy học còn chưa đủ để đáp ứng được yêu cầu phục vụ cho hoạt động dạy và học để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Một số đồ dùng, thiết bị dạy học do sử dụng nhiều năm nên đã xuống cấp, hư hỏng, độ chính xác không cao.

Thiết bị bổ sung của lớp 6,7,8,9 theo chương trình phổ thông 2018 còn thiếu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Hàng năm tăng cường công tác bảo quản, sử dụng, kiểm kê thiết bị, đồ dùng dạy học ở cuối mỗi kì học, cuối năm học để nắm bắt số lượng xây dựng kế hoạch bổ sung.

Tiếp tục tham mưu với cấp có thẩm quyền bổ sung các thiết bị, hoá chất kịp thời đảm bảo đáp ứng nhu cầu dạy và học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.6: Thư viện.

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường.

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh.

c) Hàng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có 01 phòng thư viện bán kiên cố với diện tích 60m² được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các tài liệu tham khảo phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy và học; các hoạt động khác của nhà trường [H3-3.6-01].

Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh. Hàng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các tài liệu tham khảo [H3-3.6-02].

Thư viện trường có 01 máy tính được kết nối Internet phục vụ nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.6-01].

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn được quy định tại quyết định số 01/2003/QĐ-BGD&ĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông ban hành ngày 2/1/2003 và quyết định số 01/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 29/1/2004 về Sửa đổi bổ sung Quyết định số 01/2003/QĐ-BGD&ĐT, Bộ giáo dục và Đào tạo [H3-3.6-02].

2. Điểm mạnh:

Thư viện trường đạt chuẩn theo quyết định số 01/2003/QĐ-BGD&ĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông ban hành ngày 2/1/2003 Đã xây dựng kế hoạch hoạt động cho từng năm học đảm bảo các văn bản hướng dẫn của các cấp phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, nhà trường. Cung cấp sách giáo khoa, sách tham khảo góp phần phục vụ kịp thời, đáp ứng đảm bảo cho việc giảng dạy giáo viên và học tập của học sinh.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa bố trí riêng biệt phòng đọc của giáo viên và học sinh.

Trong thư viện chưa có nhiều đầu sách, nguồn tài liệu, sách tham khảo còn hạn chế. Kinh phí cấp cho thư viện bổ sung sách báo hàng năm còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục tham mưu cấp trên đầu tư xây dựng phòng đọc, tăng cường công tác xã hội hóa, tích cực vận động tài trợ trang bị thêm nhiều đầu sách tham khảo dành cho giáo viên và học sinh. Đầu năm học mới phát động phong trào quyên góp sách, báo, tài liệu,...bổ sung cho thư viện.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 3

1. Điểm mạnh:

Nhà trường có đầy đủ hệ thống công trường, biển tên trường, khu sân chơi, bãi tập, đảm bảo an toàn để học sinh luyện tập thể dục, thể thao và tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Các phòng học thiết kế đều có bảng viết, bàn ghế giáo viên, bàn ghế học sinh đầy đủ phù hợp với tầm vóc, độ tuổi học sinh trung học cơ sở. Phòng học đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; có đủ phòng học bộ môn theo quy định(nhưng chưa có thiết bị). Nhà xe cho cán bộ giáo viên và học sinh đảm bảo diện tích và được đặt ở nơi thuận tiện, đảm bảo mỹ quan. Khu vệ sinh được thiết kế riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên và học sinh đáp ứng nhu cầu của giáo viên, nhân viên và học sinh. Cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường luôn có ý thức giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường. Việc gom rác và xử lý chất thải được thực hiện hàng ngày và đã trở thành nề nếp.

Thư viện nhà trường mở cửa hoạt động hàng ngày vào thứ 2, 4, 6 hàng tuần, đáp ứng yêu cầu dạy và học, phục vụ các hoạt động giáo dục khác của nhà trường. Đầu năm, cuối năm học thư viện nhà trường được kiểm kê, bổ sung, sửa chữa. Đặc biệt các phòng chức năng của nhà trường đủ thiết bị, đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả, đáp ứng với yêu cầu đổi mới phương pháp giáo dục.

2. Điểm yếu:

Nhà trường chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cấp có thẩm quyền.

Hệ thống máy chiếu, trang thiết bị dạy học còn chưa đủ để đáp ứng được yêu cầu phục vụ cho hoạt động dạy và học để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Thiết bị phòng học bộ môn không đồng bộ với chương trình giáo dục Phổ thông 2018, nhà trường còn 02 máy photocopy, máy tính sách tay, 01

máy in canon 2900 chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng, in ấn, phô tô tài liệu, đề kiểm tra, ... phục vụ cho công tác dạy học và giáo dục.

Nhà trường chưa có hệ thống thoát nước ngầm xung quanh trường. Nhà vệ sinh học sinh thời gian sử dụng đã lâu chưa được nâng cấp sửa chữa.

Việc thu gom và xử lý chất thải chưa đáp ứng theo quy định.

Một số đồ dùng, thiết bị dạy học do sử dụng nhiều năm nên đã xuống cấp, hư hỏng, độ chính xác không cao.

Chưa bố trí riêng biệt phòng đọc của giáo viên và học sinh.

Trong thư viện chưa có nhiều đầu sách, nguồn tài liệu, sách tham khảo còn hạn chế. Kinh phí cấp cho thư viện bổ sung sách báo hàng năm còn hạn chế.

3. Kết quả tự đánh giá: Đạt mức 2

Số tiêu chí đạt mức 1: $6/6 = 100\%$

Số tiêu chí đạt mức 2: $6/6 = 100\%$

Số tiêu chí đạt mức 3: $2/6 = 33,3\%$

Số tiêu chí không đạt mức 3: $4/6 = 66,7\%$

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Mở đầu:

Để làm tốt công tác giáo dục, nhà trường rất quan tâm xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa gia đình, nhà trường và xã hội. Việc phối hợp nhịp nhàng giữa nhà trường với Ban đại diện cha mẹ học sinh từ nhiều năm nay đã và đang được phát huy hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường nhất là công tác xã hội hóa trong việc phối hợp giáo dục học sinh, hỗ trợ cơ sở vật chất phục vụ cho dạy học, động viên khuyến khích học sinh có thành tích, học sinh khó khăn vươn lên trong học tập. Ngoài ra, mối quan hệ giữa nhà trường với Chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể đóng trên địa bàn ngày càng phát triển, đó là những yếu tố quan trọng góp phần vào thành tích của nhà trường trong những năm học qua.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng.

Hàng năm Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Mỗi lớp có một Ban đại diện cha mẹ học sinh gồm từ 3 đến 5 thành viên, trong đó có trưởng ban và một phó trưởng ban. Các thành viên Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp là những người nhiệt tình, có trách nhiệm trong việc phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên bộ môn, nhà trường và đại diện cho cha mẹ học sinh trong lớp thực hiện các hoạt động giáo dục học sinh. Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh trường gồm trưởng ban, các phó trưởng ban và các thành viên thường trực, thành viên tham gia Ban đại diện cha mẹ học sinh trường là trưởng ban hoặc phó trưởng ban Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp được Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập Ban đại diện cha mẹ học sinh trường theo từng năm học [H4-4.1-01]; [H1-1.5-02]. Ban đại diện cha mẹ học sinh đã xây dựng kế hoạch hoạt động cho từng năm học và tổ chức thực hiện theo đúng kế tiến độ đã xây dựng [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03].

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh bỏ học trở lại lớp. Tuy nhiên vẫn còn một số BĐDCMHS lớp thực hiện chưa tốt, chưa hiệu quả trong công tác vận động học sinh đi học chuyên cần; chưa làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật vẫn có hiện tượng tảo hôn, học sinh nghỉ học giữa chừng. Kết quả huy động kinh phí xã hội hoá hàng năm chưa nhiều [H4-4.1-02]; [H4-4.1-04].

Hàng năm BĐDCMHS phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh như: Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp và các giáo viên bộ môn tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh; phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp chuẩn bị nội dung của các cuộc họp cha mẹ học sinh trong năm học. Tham gia giáo dục đạo đức cho học sinh; bồi dưỡng, khuyến khích học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu kém, giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn khác [H4-4.1-05]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh:

Hàng năm Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Có Ban đại diện cha mẹ học sinh theo lớp và Ban đại diện cha mẹ học sinh trường. Các thành viên Ban đại diện cha mẹ học sinh là những người nhiệt tình, có trách nhiệm trong việc phối hợp với giáo viên

chủ nhiệm lớp, giáo viên bộ môn, nhà trường và đại diện cha mẹ học sinh trong lớp thực hiện các hoạt động giáo dục học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường được Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập theo từng năm học. Ban đại diện cha mẹ học sinh đã xây dựng kế hoạch hoạt động cho từng năm học và tổ chức thực hiện theo đúng kế tiến độ đã xây dựng.

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh bỏ học trở lại lớp. Tham gia giáo dục đạo đức cho học sinh; bồi dưỡng, khuyến khích học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu kém, giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn khác.

3. Điểm yếu:

Vẫn còn một số BDDCMHS lớp thực hiện chưa tốt, chưa hiệu quả trong công tác vận động học sinh đi học chuyên cần; chưa làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật vẫn có hiện tượng tảo hôn, học sinh nghỉ học giữa chừng. Kết quả huy động kinh phí xã hội hoá hàng năm chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Hàng năm làm tốt hơn nữa công tác thành lập BDDCM HS ở các lớp bầu chọn đúng trúng các thành viên tâm huyết, nhiệt tình, trách nhiệm và am hiểu về công tác giáo dục vào Ban đại diện cha mẹ học sinh để nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban.

Kết hợp tuyên truyền giáo dục cha mẹ học sinh của cấp ủy, Chính quyền địa phương, cán bộ bản trong các cuộc họp ở cơ sở để nâng cao nhận thức của nhân dân, cha mẹ học sinh về hoạt động giáo dục.

Làm tốt công tác triển khai các văn bản quy định, tuyên truyền, vận động nhân dân cùng làm để tăng nguồn thu xã hội hóa giáo dục phục vụ hoạt động dạy và học, hoạt động khuyến học, khuyến tài trong nhà trường nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

Giáo viên chủ nhiệm lớp làm tốt hơn công tác tuyên truyền hoạt động của nhà trường tới cha mẹ học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, Chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, Chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ

trương chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, Chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, Chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã thường xuyên tham mưu với cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch và các biện pháp cụ thể nhằm phát triển công tác giáo dục của nhà trường. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cấp ủy Đảng, Chính quyền trên địa bàn xã luôn tạo điều kiện thuận lợi cho nhà trường thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường, hỗ trợ kinh phí, vật liệu để xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giáo dục [H4-4.2-01].

Thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau (qua các cuộc họp, các buổi lễ mít tinh trong năm học, các buổi giao ban trên địa bàn xã, các tin bài đăng tải trên website) [H1-1.1-05]; [H1-1.7-05]. Hoạt động Đoàn, Đội được duy trì thường xuyên theo đúng kế hoạch đã được BGH phê duyệt, thông qua các hoạt động tập thể học sinh có thêm những hiểu biết về chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường từ đó học sinh có trách nhiệm hơn với nhiệm vụ học tập [H4-4.2-02]. Nhà trường đã huy động và sử dụng các nguồn các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định [H4-4.2-03]; [H1-1.1-06].

Nhà trường thường xuyên tham mưu cấp ủy Đảng, Chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển [H4-4.2-04].

Nhà trường thường xuyên phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để

giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch chăm sóc di tích cách mạng(hang Mường Tinh), gia đình có công với cách mạng tại địa phương. [H4- 4.2-05]; [H4-4.2-06];[H4-4.2-07]. Cuối năm học nhà trường có tổng kết đánh giá việc thực hiện kế hoạch chăm sóc di tích cách mạng, gia đình có công với cách mạng và xây dựng kế hoạch cho năm học tới. [H1-1.1-06].

Tham mưu cấp ủy Đảng, Chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Nhiều năm liền nhà trường được Ban chỉ đạo “ Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa” huyện Điện Biên Đông (từ năm 2020 đến năm 2024) ghi nhận cơ quan đơn vị văn hóa. [H4-4.2-08].

2. Điểm mạnh.

Nhà trường đã thường xuyên tham mưu với cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch và các biện pháp cụ thể nhằm phát triển công tác giáo dục của nhà trường.

Thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau (qua các cuộc họp, các buổi lễ mít tinh trong năm học, các buổi giao ban trên địa bàn xã, các tin bài đăng tải trên website). Nhà trường đã huy động và sử dụng các nguồn các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định. Nhà trường thường xuyên tham mưu cấp ủy Đảng, Chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Nhà trường thường xuyên phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương, gia đình có công với cách mạng tại địa phương. Cuối năm học nhà trường có tổng kết đánh giá việc thực hiện kế hoạch chăm sóc di tích cách mạng, gia đình có công với cách mạng và xây dựng kế hoạch cho năm học tới.

Tham mưu cấp ủy Đảng, Chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Nhiều năm liền nhà trường được Ban chỉ đạo “ Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa” huyện Điện Biên Đông (từ năm 2020 đến năm 2024) ghi nhận cơ

quan đơn vị văn hóa.

3. Điểm yếu.

Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường còn gặp khó khăn.

Việc huy động sự đóng góp của nhân dân cho hoạt động giáo dục chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Kết hợp tuyên truyền giáo dục cha mẹ học sinh của cấp ủy, Chính quyền địa phương, cán bộ bản trong các cuộc họp ở cơ sở để nâng cao nhận thức của nhân dân về giáo dục.

Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, triển khai các văn bản quy định của các cấp quy định một để tăng nguồn thu xã hội hóa giáo dục góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục.

Chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, Chính quyền; phối hợp có hiệu quả với các tổ chức cá nhân trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động, các sự kiện quan trọng của địa phương tại đơn vị trường; góp phần xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

5. Tự đánh giá. Đạt mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 4

1. Điểm mạnh:

Hàng năm Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Có Ban đại diện cha mẹ học sinh theo lớp và Ban đại diện cha mẹ học sinh trường. Các thành viên Ban đại diện cha mẹ học sinh là những người nhiệt tình, có trách nhiệm trong việc phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên bộ môn, nhà trường và đại diện cho cha mẹ học sinh trong lớp thực hiện các hoạt động giáo dục học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường được Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập theo từng năm học. Ban đại diện cha mẹ học sinh đã xây dựng kế hoạch hoạt động cho từng năm học và tổ chức thực hiện theo đúng kế tiến độ đã xây dựng.

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh bỏ học trở lại lớp. Tham gia giáo dục đạo đức cho học sinh; bồi dưỡng, khuyến khích học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu kém, giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn khác.

Nhà trường đã thường xuyên tham mưu với cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch và các biện pháp cụ thể nhằm phát triển công tác giáo

dục của nhà trường.

Thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Nhà trường đã huy động và sử dụng các nguồn các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định. Nhà trường thường xuyên tham mưu cấp ủy Đảng, Chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Nhà trường thường xuyên phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương, gia đình có công với cách mạng tại địa phương. Cuối năm học nhà trường có tổng kết đánh giá việc thực hiện kế hoạch chăm sóc di tích cách mạng, gia đình có công với cách mạng và xây dựng kế hoạch cho năm học tới.

Tham mưu cấp ủy Đảng, Chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Nhiều năm liền nhà trường được Ban chỉ đạo “Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa” huyện Điện Biên Đông (từ năm 2020 đến năm 2024) ghi nhận cơ quan đơn vị văn hóa.

2. Điểm yếu:

Vẫn còn một số BĐDCMHS lớp thực hiện chưa tốt, chưa hiệu quả trong công tác vận động học sinh đi học chuyên cần; chưa làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật vẫn có hiện tượng tảo hôn, học sinh nghỉ học giữa chừng. Kết quả huy động kinh phí xã hội hoá hàng năm chưa nhiều.

Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường còn gặp khó khăn.

Việc huy động sự đóng góp của nhân dân cho hoạt động giáo dục chưa nhiều.

3. Tự đánh giá:

Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 2/2

Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 2/2

Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 2/2

Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: **Đạt mức 3.**

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục.

Mở đầu:

Trong những năm học qua công tác giáo dục trong nhà trường được thực hiện theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo chương trình giáo dục

phổ thông. Tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong học tập và rèn luyện, có kế hoạch chọn và bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh học lực yếu, kém để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường và thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định.

Nhà trường đã tổ chức các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp, quan tâm phát triển rèn kỹ năng sống cho học sinh thông qua các hoạt động học tập, hoạt động tập thể và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh. Thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ phổ cập giáo dục của địa phương.

Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, khuyến khích sự tham gia chủ động, tự giác của học sinh; Giáo dục học sinh tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường lớp học, nhà trường. Kết quả xếp loại hạnh kiểm, học lực của học sinh hằng năm cơ bản đáp ứng mục tiêu giáo dục.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường. Bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm nhà trường đã tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT đảm bảo mục tiêu giáo dục. [H1-1.1-06]; [H1-1.8-01]

Trong quá trình giảng dạy giáo viên đã vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, luôn nâng cao ý thức tự học, khả năng làm việc nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01]; [H1-1.1-06]

Nhà trường tổ chức thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra, đánh giá học sinh theo đúng kế hoạch, đa dạng các hình thức, đảm bảo khách quan và hiệu quả. [H5-5.1-02]; [H1-1.5-01]

Mức 2:

Nhà trường đã thực hiện dạy học đúng, đủ chương trình giáo dục đúng theo khung phân phối chương trình của Bộ GD&ĐT; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh. [H1-1.8-01]; [H1-1.1-04]; [H1-1.4-04]

Hằng năm nhà trường chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về văn nghệ, thể thao, học sinh giỏi các môn văn hóa; phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. [H1-1.8-01]; [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04]; [H1-1.1-06]

Mức 3:

Hằng năm nhà trường và các tổ chuyên môn đều tiến hành rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh. [H1-1.1-06]; [H1-1.5-02]; [H1-1.5-01]

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục. Giáo viên đã vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; luôn nâng cao ý thức tự học, khả năng làm việc nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Nhà trường chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về văn nghệ, thể thao, học sinh giỏi các môn văn hóa; phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Cuối học kỳ và cuối năm học nhà trường, tổ chuyên môn tổ chức rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả của việc tác động các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

3. Điểm yếu

Phương pháp tự học, khả năng hợp tác, làm việc theo nhóm và vận dụng kiến thức vào thực tiễn của một số học sinh còn hạn chế và hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong qua trình giảng dạy giáo viên cần kiểm tra đánh giá phương pháp tự học của học sinh; phân nhóm đối tượng học sinh phù hợp, hướng dẫn học sinh cụ thể khi làm việc để nâng cao khả năng hợp tác nhóm của học sinh đặc biệt là học sinh yếu, kém; nâng cao khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế cho học sinh qua các hoạt động ngoại khóa, các tiết học thực hành.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục học sinh có năng khiếu về văn nghệ, thể thao, học sinh giỏi các môn văn hóa, học sinh giỏi máy tính cầm tay; học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. [H1-1.8-01]; [H5-5.1-05]; [H1-1.5-02]

Nhà trường đã tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về văn nghệ, thể thao, học sinh giỏi các môn văn hóa, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện theo đúng kế hoạch giáo dục. [H5-5.1-03]; [H1-1.1-06]; [H5-5.1-04]; [H5-5.1-05]

Cuối kì và cuối năm học nhà trường rà soát, đánh giá các hoạt động bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về văn nghệ, thể thao, học sinh giỏi các môn văn hóa; học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. [H1-1.1-06]; [H2-2.4-03]

Mức 2:

Trong năm học học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu về văn nghệ, thể thao, học sinh giỏi các môn văn hóa; học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đều đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục. [H1-1.3-05]; [H1-1.1-06]; [H1-1.5-02]

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được các cấp có thẩm quyền công nhận. Quyết định công nhận các môn văn hóa, máy tính cầm tay các năm, giải hội thao. [H1-1.1-03]; [H2-2.4-03]

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về văn nghệ, thể thao, học sinh giỏi các môn văn hóa; phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện phù hợp với đặc điểm điều kiện của nhà trường.

Cuối kì, cuối năm đều có sơ kết, báo cáo đánh giá, rút kinh nghiệm để có hướng cải tiến công tác bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về văn nghệ, thể thao, học sinh giỏi các môn văn hóa, học sinh giỏi máy tính cầm tay và phụ đạo học sinh yếu, kém.

Trong năm học nhà trường có nhiều học sinh đạt kết quả cao trong các cuộc thi học sinh giỏi các môn văn hóa, năng khiếu về văn nghệ, thể thao được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có giáo viên dành riêng cho việc giáo dục trẻ khuyết tật.

Nhà trường chưa có học sinh giỏi cấp tỉnh

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tăng cường tập huấn cho giáo viên về các phương pháp giáo dục dành cho trẻ gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện (trẻ khuyết tật).

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch ôn thi học sinh giỏi, lựa chọn những giáo viên có kinh nghiệm, ưu tiên những môn có khả năng đạt giải. Có chính sách khuyến khích, động viên khen thưởng kịp thời, xứng đáng.

Đầu tư kinh phí mua các tài liệu tham khảo phục vụ công tác ôn học sinh giỏi, nhất là các khối theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, khuyến khích các giáo viên trao đổi chuyên môn với những giáo viên có kinh nghiệm và đạt giải cao ở các trường trong huyện và trong tỉnh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định.

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch.
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả.

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã thực hiện xây dựng biên soạn chương trình giáo dục địa phương theo quy định. Giáo viên đã xây dựng và thực hiện đầy đủ, nghiêm túc kế hoạch giáo dục địa phương của nhà trường. [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01]; [H1-1.8-02]; [H5-5.3-01]

Nhà trường tổ chức thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra, đánh giá học sinh theo đúng kế hoạch, đa dạng các hình thức, đảm bảo khách quan và hiệu quả. [H5-5.1-02]; [H1-1.5-01]

Hằng năm cuối mỗi năm học, nhà trường đã tiến hành rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu về nội dung chương trình giáo dục địa phương. [H1-1.1-06]; [H5-5.3-01]

Mức 2:

Trong năm học nhà trường đã tiến hành xây dựng kế hoạch và thực hiện nội dung giáo dục địa phương thông qua lồng ghép các môn học như Địa Lí, Lịch Sử, GDCD, Ngữ Văn và các hoạt động ngoại khóa phù hợp với mục tiêu của môn học và phù hợp với thực tiễn địa phương. Từ năm học 2021 – 2022 nhà trường đã có sách giáo khoa dành riêng cho môn học giáo dục địa phương. [H5-5.1-01]; [H5-5.3-01]

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc kế hoạch giáo dục địa phương theo yêu cầu đã quy định của các môn học. Xây dựng được kế hoạch hoạt động, lồng ghép, tích hợp việc dạy học chương trình chung với chương trình giáo dục địa phương với hoạt động ngoại khóa thực hiện chương trình giáo dục địa phương. Chỉ đạo Đoàn Đội phối hợp với giáo viên tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho học sinh trong các buổi hoạt động ngoài giờ lên lớp có nội dung giáo dục địa phương như: tìm hiểu lịch sử địa phương (được lồng ghép trong môn Lịch sử), tìm hiểu địa lí địa phương (qua môn Địa lí), những cảnh đẹp quê hương đất nước của địa phương (qua môn Ngữ văn), những vấn nạn xã hội mà địa phương đang diễn ra như vấn nạn ăn lá ngón tự tử, ma túy, buôn bán người qua biên giới, an toàn giao thông và sức khỏe sinh sản vị thành niên ở địa phương... Đối với lớp 6,7,8 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 có môn Giáo dục địa phương.

Tiến hành kiểm tra, đánh giá các nội dung giáo dục địa phương theo quy định.

Đã tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động ngoại khóa có nội dung giáo dục địa phương tương đối sinh động, hiệu quả.

3. Điểm yếu:

Tài liệu về giáo dục địa phương chưa phong phú.

Việc rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu và đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương hằng năm chưa thực sự tích cực.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giáo viên cần tích cực tìm tòi tư liệu tra dồi kiến thức địa phương; cập nhật tài liệu, điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương phải kịp thời trong mỗi năm học nhất là về những đổi thay trong từng năm những vấn đề kinh tế, văn hóa xã hội của tỉnh.

Hằng năm giáo viên cần sưu tầm bổ sung thêm tư liệu giáo dục địa phương để sử dụng trong giảng dạy.

Thành lập tổ kiểm tra đánh giá, rà soát, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh kịp thời các nội dung giáo dục địa phương hằng năm.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp.

Mức 1:

- a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch.
- b) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

- a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực.
- b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm nhà trường có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường. [H2-2.2-04]; [H5-5.1-01]; [H1-1.3-05]

Nhà trường chỉ đạo tổ chức xây dựng và thực hiện đảm bảo kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục hướng nghiệp và trải nghiệm cho học sinh. [H2-2.2-04]

Nhà trường đã phân công cho giáo viên dạy học hướng nghiệp với học sinh lớp 9 và có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường. [H2-2.2-04]

Mức 2:

Các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp được tổ chức với hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với học sinh và thu được kết quả thiết thực. [H1-1.3-05]; [H2-2.2-04]

Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. [H2-2.2-04]; [H1-1.3-05]

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, phân công các tổ chức nhà trường lên các chuyên đề trải nghiệm sáng tạo và giảng dạy hướng nghiệp cho học sinh ngay từ đầu năm học. Tổ chuyên môn, các tổ chức trong nhà trường đã xây dựng và thực hiện tốt các kế hoạch, tổ chức cho học sinh thực hiện thành công các chuyên đề hoạt động trải nghiệm sáng tạo thông qua việc lồng ghép trong các giờ học chính khóa, các hoạt động ngoại khóa.

Giáo viên đã tích cực sưu tầm và nghiên cứu các tài liệu giảng dạy, chuẩn bị tốt các điều kiện về tài liệu và dụng cụ thực hành cho học sinh học nội dung giáo dục hướng nghiệp.

3. Điểm yếu:

Hoạt động trải nghiệm sáng tạo mới chỉ tổ chức theo các chuyên đề và ở một số tiết trong một số bài học, một số môn học, chưa được giáo viên thực hiện rộng rãi trong tất cả các môn học.

Công tác giảng dạy hướng nghiệp chủ yếu là giáo viên tư vấn, định hướng phân luồng học sinh, định hướng nghề nghiệp đối với học sinh lớp 9.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Phối hợp với các cơ quan chuyên môn định hướng nghề cho học sinh khối 9.

Giáo viên tích cực tự học, tự bồi dưỡng, đổi mới phương pháp dạy học, có giải pháp lồng ghép hoạt động trải nghiệm sáng tạo đối với tất cả các môn học nâng cao kỹ năng trải nghiệm cho học sinh.

Giáo viên tăng cường tìm hiểu, bồi dưỡng nâng cao năng lực hướng nghiệp cho học sinh lớp 9.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.5: Hình thành và phát triển kĩ năng sống cho học sinh

Mức 1

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương.

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục.

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện.

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Chuyên môn và các tổ chức khác trong nhà trường hàng năm đều có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh nhằm hình thành phát triển kỹ năng sống phù hợp với học sinh và điều kiện nhà trường. [H5-5.1-01]; [H1-1.1-05]

Thông qua các hoạt động học sinh được rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật, học sinh có những chuyển biến tích cực về nhận thức và kỹ năng chấp hành Luật Giáo dục, Luật Trẻ em, Luật An toàn giao thông, Luật Phòng chống ma túy, Luật Phòng cháy và chữa cháy, Luật Bảo vệ rừng...; các kỹ năng phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống bạo lực học đường. [H1-1.1-06]; [H2-2.2-04]; [H1-1.5-02]

Thông qua các hoạt động giáo dục, đạo đức lối sống của học sinh từng bước được hình thành phát triển phù hợp với pháp luật phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam. [H1-1.1-06]; [H1-1.5-02]

Mức 2:

Trong quá trình giáo dục, giáo viên luôn hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của bản thân để từ đó các em nhận ra điểm mạnh, điểm yếu của bản thân để có hướng sửa chữa, khắc phục. [H5-5.5-01]

Thông qua các hoạt động giáo dục học sinh biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống. [H2-2.2-04]

Mức 3:

Nhà trường hàng năm đã xây dựng kế hoạch và ra quyết định phân công giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu KHKT, tham gia thi sáng tạo thanh thiếu niên cấp huyện trong năm học đã đạt giải khuyến khích. [H2-2.2-04]; [H2-2.4-03], [H2-2.2-05];

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua việc lồng ghép trong các giờ học chính khóa, các hoạt động ngoại khóa, để truyền thông, giáo dục các kiến thức kỹ năng thông thường cho học sinh, nâng cao ý thức, trách nhiệm của học sinh trong chấp hành pháp luật, hiểu biết xã hội, học sinh của nhà trường đã tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, bước đầu đã mang lại kết quả đáng khích lệ.

3. Điểm yếu

Việc giáo dục hình thành một số kỹ năng sống còn hạn chế như kỹ năng phòng chống cháy nổ (do không có chuyên gia hướng dẫn), kỹ năng phòng chống đuối nước (do không có bể bơi tại trường).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Ban giám hiệu phối hợp với Đội phòng cháy, chữa cháy công an huyện Điện Biên Đông tổ chức, triển khai tập huấn cho các em học sinh các lớp.

Đối với nguy cơ đuối nước nhà trường chỉ đạo các giáo viên thể dục, y tế học đường cho học sinh xem các video tập huấn về kỹ thuật bơi, kỹ thuật thoát hiểm và cứu, sơ cứu người bị đuối nước.

Tăng cường công tác kiểm tra việc tích hợp nội dung giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, cụ thể ở các môn có nội dung theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Giáo viên tích cực tự học, tự bồi dưỡng nâng cao phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Tạo điều kiện, khuyến khích, động viên để các em học sinh được thể hiện tính tự chủ, quyết đoán, tự tin trước tập thể, trước công việc.

Tăng cường rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh qua các hoạt động học tập hoặc các hoạt động ngoại khóa, đồng thời hướng các em vào việc vận dụng những kiến thức đó vào thực tế để giải quyết các vấn đề vướng mắc trong cuộc sống.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục.

Mức 1.

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;

Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;

Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường

trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

Đối với nhà trường có lớp tiêu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Từ năm học 2022 – 2023 đến nay kết quả học lực, hạnh kiểm của nhà trường đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường đề ra. [H1-1.1-06]; [H1-1.5-01]

Từ năm học 2022 – 2023 đến nay tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt 100%. [H1-1.1-06]; [H5-5.6-01]; [H5-5.6-02]

Nhà trường có định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường vào các trường phổ thông. [H1-1.1-06]; [H5-5.6-03]

Mức 2:

Kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm học sinh trong năm học của nhà trường đã có chuyển biến tích cực so với năm học trước. [H1-1.1-06]; [H1-1.5-01]

Từ năm học 2022 – 2023 đến nay tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt 100%. [H1-1.1-03]

Mức 3:

Từ năm học 2022 – 2023 đến nay cụ thể như sau:

- Năm học 2022 - 2023 tỷ lệ học sinh xếp loại khá 147/383 đạt 38,4% vượt chỉ tiêu đầu năm 8,1%, tỉ lệ học sinh giỏi (Tốt) 25 đạt tỉ lệ 6,5% vượt 0,7% so với đăng kí đầu năm. [H1-1.1-06]; [H1-1.5-01]

Tỷ lệ học sinh bỏ học giữa chừng $4/384 = 1,04\%$ [H1-1.1-06]; [H1-1.5-01]

- Năm học 2023 - 2024 tỷ lệ học sinh xếp loại khá 175/415 chiếm 42,2%, tỉ lệ học sinh giỏi (Tốt) 32/415 chiếm tỉ lệ 7,7%. [H1-1.1-06]; [H1-1.5-01]

Tỷ lệ học sinh bỏ học giữa chừng 5/417 chiếm 1,2 % [H1-1.1-06]; [H1-1.5-01]

- Năm học 2024 - 2025 tỷ lệ học sinh xếp loại khá chiếm 43,9%, tỉ lệ học sinh Tốt chiếm tỉ lệ 6,6% [H1-1.1-03]; [H1-1.5-01].

Tỷ lệ học sinh bỏ học giữa chừng: $7/440 = 1,6\%$ [H1-1.1-03]; [H1-1.5-01].

- Năm học 2025 -2026 tỷ lệ học sinh xếp loại khá 196/472 đạt 41,5%, tỉ lệ học sinh Tốt 31/472 đạt tỉ lệ 6,6 % vượt chỉ tiêu so với đầu năm 3 HS – 0,8%. [H1-1.1-06]; [H1-1.5-01]

Tỷ lệ học sinh bỏ học giữa chừng 9/488 chiếm 1,8 % đạt vượt chỉ tiêu (chỉ tiêu dưới 2,3%). [H1-1.1-06]; [H1-1.5-01]

2. Điểm mạnh.

Kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm của học sinh hằng năm đáp ứng mục tiêu giáo dục, có chuyển biến tích cực so với năm học trước.

- Năm học 2022 -2023

Năm học 2022 - 2023 tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt 100%.

Chất lượng HS giỏi: cấp trường 6 em; cấp huyện 3 em đạt chỉ tiêu.

- Năm học 2023 -2024

Kết quả thi học sinh giỏi cấp huyện khối 9 có 03 học sinh, khối 8 có 05 học sinh đạt giải.

Năm học 2023 - 2024 tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt 100%.

- Năm học 2024 -2025

Kết quả thi học sinh giỏi cấp tỉnh có 01 học sinh, học sinh giỏi cấp huyện khối 9 có 03 học sinh, khối 8 có 05 học sinh đạt giải.

Năm học 2024 - 2025 tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt 100%.

- Năm học 2025 -2026

Năm học 2025 - 2026 tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt 100%.

Chất lượng HS giỏi các môn văn hoá

Khối 8: Cấp trường đạt: 13 học sinh. Cấp xã đạt 06 học sinh.

Khối 9: Cấp trường đạt 6 em. Cấp xã: 5 em. Trong đó, có 2 giải ba, 3 giải khuyến khích. Cấp tỉnh có 01 em đạt giải ba.

3. Điểm yếu:

Có ít học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi cấp tỉnh

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục thành lập đội tuyển ôn thi học sinh giỏi cấp trường khối 6 đến khối 9 để có đội tuyển tham gia thi học sinh giỏi cấp xã, cấp tỉnh có chất lượng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 5

1. Điểm mạnh:

Nhà trường đã tổ chức dạy học đúng các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục. Giáo viên đã vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; luôn nâng cao ý thức tự học, khả năng làm việc nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Nhà trường đã chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về văn nghệ, thể thao, học sinh giỏi các môn văn hóa; phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Cuối học kỳ và cuối năm học nhà trường, tổ chuyên môn tổ chức rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả của việc tác động các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua việc lồng ghép trong các giờ học chính khóa, các hoạt động ngoại khóa, để truyền thông, giáo dục các kiến thức kỹ năng cơ bản cho học sinh, nâng cao ý thức, trách nhiệm của học sinh trong chấp hành pháp luật, hiểu biết xã hội, học sinh của nhà trường đã tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học đạt kết quả đáng khích lệ.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, phân công giáo viên giảng dạy hướng nghiệp cho học sinh ngay từ đầu năm học. Chuyên môn và các tổ chức khác trong nhà trường đã xây dựng và thực hiện tốt các kế hoạch trải nghiệm cho học sinh tạo thông qua việc lồng ghép trong các giờ học chính khóa, các hoạt động ngoại khóa.

Giáo viên đã tích cực trong việc nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Sau mỗi hoạt động đều được đánh giá, rút kinh nghiệm để thực hiện cho các hoạt động tiếp theo.

2. Điểm yếu:

Tính chủ động, tích cực, tự tin của một số học sinh còn chưa cao. Phương pháp tự học, khả năng hợp tác, làm việc theo nhóm và vận dụng kiến thức vào thực tiễn của một số học sinh còn hạn chế.

Nhà trường chưa có giáo viên dành riêng cho việc giáo dục trẻ khuyết tật.

Việc giáo dục hình thành một số kỹ năng sống ở học sinh còn hạn chế như kỹ năng phòng chống cháy nổ (do không có chuyên gia hướng dẫn), kỹ năng phòng chống đuối nước (do không có bể bơi tại trường), kỹ năng phòng chống buôn bán người.

3. Kết quả tự đánh giá: Đạt mức 3.

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4.

Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng:

Kế hoạch giáo dục của nhà trường và của cá nhân được xây dựng hằng năm theo quy định, phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông. Kế hoạch đã bám sát nhiệm vụ giáo dục giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

2. Điểm mạnh:

Kế hoạch hằng năm của nhà trường đã bám sát nhiệm vụ năm học của ngành, phù hợp với điều kiện của nhà trường. Đã xây dựng được mục tiêu, nhiệm vụ và biện pháp thực hiện có kết quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

3. Điểm yếu:

Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường lập kế hoạch cho cán bộ giáo viên nghiên cứu, tìm tòi để đưa một số nội dung học tập chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, trên các trang website giáo dục bổ sung vào kế hoạch giáo dục của nhà trường góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

5. Tự đánh giá: Không đạt.

Tiêu chí 2: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường hàng năm xây dựng kế hoạch, kết nối với các tổ chức đảm bảo 100% học sinh thuộc hoàn cảnh gia đình khó khăn và học sinh có năng khiếu về văn hóa - thể thao hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan. [H2-2.4-02]; [H1-1.5-02]; [H1-1.3-05]; [H2-2.4-06]; [H1-1.1-03]

2. Điểm mạnh:

100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Điểm yếu:

Học sinh nhà trường còn chưa mạnh dạn tham gia một số hoạt động do kỹ năng giao tiếp hạn chế, bất đồng về ngôn ngữ.

Nguồn tài liệu phục vụ cho học sinh học tập, thể hiện năng khiếu còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tăng cường giáo dục kỹ năng sống, tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động phong trào để học sinh tự tin hơn trong tham gia hoạt động.

Kêu gọi các nguồn tài trợ, từ thiện; đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4.

Tiêu chí 3: Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường thuộc vùng sâu, vùng xa khó khăn là một trong những xã khó khăn nhưng hằng năm vẫn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học đạt giải nhì cấp huyện năm học 2023 - 2024.

Hằng năm nhà trường có kế hoạch cho học sinh vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. [H2-2.2-08]; [H2-2.2-07]; [H1-1.5-02]; [H1-1.3-05]; [H2-2.4-06]; [H1-1.1-03]

2. Điểm mạnh:

Hằng năm, nhà trường đều tổ chức cho học sinh tham gia cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng, thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh cấp THCS.

Năm học 2023-2024, sản phẩm dự thi cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh THCS của nhà trường đạt giải nhì cấp huyện.

Năm học 2024-2025, sản phẩm dự thi cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh THCS của nhà trường đạt giải nhì cấp huyện.

Năm học 2025-2026, sản phẩm dự thi cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh THCS của nhà trường đạt giải ba cấp xã.

3. Điểm yếu:

Nhà trường có phân công giáo viên hướng dẫn học sinh tham gia cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật dành cho học sinh THCS. Tuy nhiên, kết quả đạt được chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường lập kế hoạch tổ chức cho những học sinh tham gia các cuộc thi được tìm hiểu nhiều các sản phẩm về ứng dụng công nghệ vào cuộc sống để kích thích sự tư duy, sáng tạo từ những kiến thức đã học và những tình huống trong cuộc sống để các em có thể vận dụng có ý tưởng sáng tạo, tạo ra những sản phẩm có tính ứng dụng thiết thực, hiệu quả trong cuộc sống.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4.

Tiêu chí 4: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường đã có thư viện đạt chuẩn nhưng chưa có có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; chưa có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

2. Điểm mạnh: Thư viện nhà trường đạt chuẩn, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Thư viện chưa có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế.

Thư viện chưa có kết nối Internet băng thông rộng; chưa có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tham mưu và trình Phòng văn hóa có kế hoạch và cấp kinh phí xây dựng thư viện đạt thư viện tiên tiến, có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực.

5. Tự đánh giá: Không đạt.

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường đã xây dựng phương hướng chiến lược phát triển nhà trường. Tuy nhiên, chưa hoàn thành tất cả các mục tiêu đã đề ra.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng phương hướng chiến lược phát triển nhà trường, và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Điểm yếu:

Phương hướng chiến lược nhà trường chưa hoàn thành tất cả các mục tiêu đã đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường thực hiện hoàn thành các mục tiêu đã đề ra trong phương hướng đã xây dựng.

5. Tự đánh giá: Không đạt.

Tiêu chí 6: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường chưa có năm nào mà kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

2. Điểm mạnh: Không có.

3. Điểm yếu:

Kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường chưa được vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường sẽ lên kế hoạch phát triển giáo dục, từng bước đưa kết quả giáo dục của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng.

5. Tự đánh giá: Không đạt.

Kết luận tự đánh giá các tiêu chí mức 4

1. Điểm mạnh:

Kế hoạch hằng năm của nhà trường đã bám sát nhiệm vụ năm học của ngành, phù hợp với điều kiện của nhà trường. Đã xây dựng được mục tiêu, nhiệm vụ và biện pháp thực hiện có kết quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

100% học sinh trong độ tuổi đi học THCS đều được nhà trường, lãnh đạo xã, các tổ chức xã hội quan tâm tạo điều kiện được tham gia học tập, được rèn luyện các môn năng khiếu của bản thân.

Hằng năm, nhà trường đều tổ chức cho học sinh tham gia cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng, thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh cấp THCS.

Năm học 2025-2026, sản phẩm dự thi cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh THCS của nhà trường đạt giải ba cấp xã.

Nhà trường đã xây dựng phương hướng chiến lược phát triển nhà trường, và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Điểm yếu:

Phương hướng chiến lược nhà trường chưa hoàn thành tất cả các mục tiêu đã đề ra.

Học sinh nhà trường còn chưa mạnh dạn tham gia một số hoạt động do kỹ năng giao tiếp hạn chế, bất đồng về ngôn ngữ.

Nguồn tài liệu phục vụ cho học sinh học tập, thể hiện năng khiếu còn ít.

Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Kết quả:

Số tiêu chí đạt mức 4: $2/6 = 33,3\%$.

Số tiêu chí không đạt mức 4: $4/6 = 66,7\%$.

Phần III

KẾT LUẬN CHUNG

Báo cáo tự đánh giá của nhà trường đã khái quát tương đối đầy đủ những kết quả mà tập thể đã đạt được trong 5 năm qua, đã khẳng định quá trình nỗ lực phấn đấu vươn lên của nhà trường được thể hiện bởi những thành tích, chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường. Bên cạnh đó, báo cáo đã nêu rõ thực trạng của nhà trường về cơ sở vật chất, đội ngũ, nguồn lực và những vấn đề khác có liên quan đến chất lượng giáo dục để thông báo với cơ quan quản lý giáo dục cấp trên. Từ đó, nhà trường có kế hoạch điều chỉnh các nguồn lực trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhằm đáp ứng ngày càng cao tiêu chuẩn chất lượng, uy tín của nhà trường.

Đối chiếu các thành quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được với Bộ tiêu chuẩn đánh giá tại thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng

08 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. Trong quá trình tự đánh giá nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể về các chỉ số, các tiêu chí như sau:

- 5/5 tiêu chuẩn đạt mức 1 chiếm 100%.
- 5/5 tiêu chuẩn đạt mức 2 chiếm 100%.
- 2/5 tiêu chuẩn đạt mức 3 chiếm 40,0%.

Cụ thể như sau:

- + Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí đạt mức 1: 28/28 = 100%.
- + Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí không đạt mức 1: 0/28 = 0%.
- + Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí đạt mức 2: 28/28 = 100%.
- + Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí không đạt mức 2: 0/28 = 0%.
- + Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí đạt mức 3: 14/19 = 73,7%.
- + Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí không đạt mức 3: 5/19 = 26,3%.
- + Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí đạt mức 4: 2/6 = 33,3%.
- + Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí không đạt mức 4: 4/6 = 66,7%.

Căn cứ quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tại Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Văn bản số 5932/BGDĐT-QLCL, ngày 28/12/2018 về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, xét kết quả tự đánh giá các tiêu chuẩn, tiêu chí nêu trên, trường PTDTBT THCS Phì Nhù đạt mức 2 về kiểm định chất lượng giáo dục và đạt mức 1 về việc công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Đề nghị các cấp có thẩm quyền quan tâm xem xét, tạo điều kiện về mọi mặt cho nhà trường thực hiện đảm bảo hơn nữa các tiêu chí, tiêu chuẩn duy trì xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trong năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.

Xa Dung, ngày 28 tháng 5 năm 2026

Nơi nhận:

- UBND xã(b/c);
- Đoàn ĐGN
- CB Quản lý, giáo viên;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Quàng Thị Niên

PHỤ LỤC 4
BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	-Kế hoạch Giáo dục nhà trường nhà trường năm học 2025-2026	Thu thập tháng 1 năm 2026	Trường PTDTBT THCS Pì Nhừ	
	2	[H1-1.1-02]	Nghị quyết Đảng bộ xã 2020 – 2025 Nghị quyết Đảng bộ xã 2025 - 2030	Thu thập tháng 1 năm 2026	Đảng ủy Xa Dung	
	3	[H1-1.1-03]	Nghị quyết HĐND xã 2021-2026;	Thu thập tháng 1,2 năm 2026	HĐND xã Xa Dung	
	4	[H1-1.1-04]	Nghị quyết của nhà trường và NQHĐT; Nghị quyết của chi bộ 2 nhiệm kì	Thu thập tháng 1,2,3,4 năm 2026	Nhóm 1	
	5	[H1-1.1-05]	Đường dẫn Website: https://ptdtbt-thcs-phinhu-dienbien.violet.vn/	Thu thập tháng 2 năm 2026	Nhóm 1	
	6	[H1-1.1-06]	Báo cáo tổng kết năm học các năm 2025 – 2026	Thu thập tháng 5 năm 2026	Nhóm 1	
	7	[H1-1.1-07]	Biên bản rà soát điều chỉnh Phương hướng CL	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	

Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định thành lập HĐ TĐKT; Các HĐ tư vấn khác.	Năm học 2025-2026	Trường PTDTBT-THCS Phi Nhù	
	2	[H1-1.2-02]	Hồ sơ thi đua khen thưởng hàng năm	Thu thập tháng 5 năm 2026	Trường PTDTBT-THCS Phi Nhù	
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	QĐ chuẩn y BT, PBT chi bộ; BB ĐH chi bộ 02 nhiệm kì.	Thu thập tháng 12 năm 2025	Chi bộ	
	2	[H1-1.3-02]	QĐ bổ nhiệm Bí thư chi đoàn; BB, NQ ĐH chi đoàn.	Thu thập tháng 12 năm 2025	Trường PTDTBT-THCS Phi Nhù	
	3	[H1-1.3-03]	QĐ bổ nhiệm TPTĐTNTPHCM	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
	4	[H1-1.3-04]	Kế hoạch hoạt động chi đoàn (năm học 2025-2026);	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
	5	[H1-1.3-05]	Kế hoạch hoạt động Đội TNTPHCM (năm học 2025-2026);	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
	6	[H1-1.3-06]	Báo cáo tổng kết hàng năm của Chi bộ, Đoàn, Đội	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
	7	[H1-1.3-07]	Chương trình kiểm tra GS của chi bộ	Thu thập tháng 12 năm 2025	Chi bộ	
	8	[H1-1.3-08]	QĐ đánh giá xếp loại chi bộ năm 2025	Thu thập tháng 12 năm 2025, năm 2026	Đảng bộ xã Xa Dung	
	9	[H1-1.3-09]	Giấy khen của Đảng uỷ xã cho tập thể, cá nhân trong chi bộ	Thu thập tháng 12 năm 2025	Đảng bộ xã Xa Dung	

	10	[H1-1.3-10]	Giấy khen, giấy chứng nhận của các tổ chức Công đoàn, Đoàn, Đội	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	QĐ bổ nhiệm hiệu trưởng 2025	Thu thập tháng 12 năm 2025	UBND xã Xa Dung	
	2	[H1-1.4-02]	QĐ bổ nhiệm các phó hiệu trưởng 2025	Thu thập tháng 12 năm 2025	UBND xã Xa Dung	
	3	[H1-1.4-03]	QĐ thành lập tổ chuyên môn, tổ bán trú	Năm học 2025 – 2026 Thu thập tháng 12 năm 2025	Trường PTDTBT-THCS Phi Nhù	
	4	[H1-1.4-04]	KHGD của các tổ chuyên môn theo năm học	Năm học 2025 – 2026 Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
	5	[H1-1.4-05]	Sổ NQ chuyên môn tổ chuyên môn, (năm học 2025-2026)	Năm học 2025 – 2026 Thu thập tháng 5 năm 2026	Nhóm 1	
	6	[H1-1.4-06]	Kế hoạch chuyên đề tổ chuyên môn	Năm học 2025 – 2026 Thu thập tháng 5 năm 2026	Nhóm 1	
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Sổ đăng bộ	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
	2	[H1-1.5-02]	Sổ chủ nhiệm	Thu thập tháng 5 năm 2026	Nhóm 1	
	3	[H1-1.5-03]	Sổ theo dõi và đánh giá học sinh theo lớp	Thu thập tháng 5 năm 2026	Nhóm 1	
	4	[H1-1.5-04]	Biên bản họp lớp bầu lớp trưởng, LP, TT, TP	Thu thập tháng 5 năm 2026	Nhóm 1	
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Hồ sơ quản lý các hoạt động GD theo điều 21, Điều lệ trường học.	Thu thập tháng 12 năm 2025, tháng 5 năm 2026	Nhóm 1	
	2	[H1-1.6-02]	Hồ sơ kế toán	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
	3	[H1-1.6-03]	Quy chế chi tiêu nội bộ	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	

	4	[H1-1.6-04]	Biên bản, kết luận kiểm tra của cấp có thẩm quyền	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
	5	[H1-1.6-05]	Các phần mềm quản lý nhân sự, HĐGD, tài chính, tài sản của nhà trường	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
	6	[H1-1.6-06]	Các tờ trình xin cấp kinh phí hàng năm	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch GD nhà trường năm học 2025-2026	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
	2	[H1-1.7-02]	Quyết định và Bảng phân công nhiệm vụ cho CBGV, nhân viên hàng năm	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
	3	[H1-1.7-03]	Bảng lương phụ cấp hàng tháng	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
	4	[H1-1.7-04]	BB Hội nghị viên chức và người lao động hàng năm	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
	5	[H1-1.7-05]	Hồ sơ KTĐGGV hàng năm.	Thu thập tháng 5 năm 2026	Nhóm 1	
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch dạy học tuần của giáo viên	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
	2	[H1-1.8-02]	Nghị quyết chuyên môn trường	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
	3	[H1-1.8-03]	Thời khóa biểu	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
	4	[H1-1.8-04]	KHGD các môn học	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
	5	[H1-1.8-05]	Sổ đầu bài VENDU	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
	6	[H1-1.8-06]	BB kiểm tra các hoạt động CM của cấp trên	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Duyệt định thành lập Ban kiểm tra nội bộ	Thu thập tháng 5 năm 2026	Nhóm 1	
	2	[H1-1.9-02]	BC công tác tổng kết Đảng hàng năm	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
	3	[H1-1.9-03]	Quy chế dân chủ của nhà trường	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
	4	[H1-1.9-04]	Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	

Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự; cam kết đảm bảo an ninh trật tự với chính quyền địa phương	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
	2	[H1-1.10-02]	Kế hoạch vệ sinh an toàn thực phẩm	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
	3	[H1-1.10-03]	Kế hoạch phòng chống cháy nổ	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
	4	[H1-1.10-04]	Kế hoạch phòng chống thảm họa thiên tai	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
	5	[H1-1.10-05]	Kế hoạch phòng chống tai nạn thương tích	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
	6	[H1-1.10-06]	Kế hoạch phòng chống dịch bệnh	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
	7	[H1-1.10-07]	Kế hoạch phòng chống tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực học đường	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
	8	[H1-1.10-08]	Cam kết vệ sinh an toàn thực phẩm	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
	9	[H1-1.10-09]	Hòm thư góp ý	Thu thập tháng 12 năm 2025		
	10	[H1-1.10-10]	Số điện thoại đường dây nóng 0386851927;	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
	11	[H1-1.10-11]	Kế hoạch hoạt động của đoàn đội hàng năm có nội dung bình đẳng giới	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
	12	[H1-1.10-12]	Kế hoạch công tác bán trú	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
	13	[H1-1.10-13]	QĐ mở lớp TH PCCC, giấy chứng nhận tập huấn PCCC	Thu thập tháng 12 năm 2025		
	14	[H1-1.10-14]	KH, QĐ mở lớp TH VSATTP, giấy chứng nhận tập huấn VSATTP	Thu thập tháng 12 năm 2025	Nhóm 1	
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	- Bằng cấp, trình độ, chứng chỉ của HT, PHT	- Hằng năm	Các cấp	
	2	[H2-2.1-02]	- Kết quả đánh giá, xếp loại chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng hằng năm;	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	- Phòng Giáo dục, UB xã	

	3	[H2-2.1-03]	- Công văn triệu tập, quyết định cử đi học của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ.	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	- Phòng giáo dục, phòng Nội vụ, phòng VH	
	4	[H2-2.1-04]	- Chứng chỉ hoặc chứng nhận đã qua lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý	- Thu thập hàng năm	Các cấp	
	5	[H2-2.1-05].	BDCM, BD thường xuyên của HT, PHT	Thu thập hàng năm	- Các cấp	
	6	[H2-2.1-06]	- Biên bản tín nhiệm BGH;	Thu thập hàng năm	- Hiệu trưởng	
	7	[H1-1.4-01]	- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng.	Thu thập hàng năm	UBND xã	
	8	[H1-1.4-02]	- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng.	Thu thập hàng năm	Xa Dung	
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Danh sách giáo viên hằng năm có thông tin về trình độ đào tạo;	- Thu thập hàng năm	Hiệu trưởng	
	2	[H2-2.2-02]	- Bản tổng hợp về đánh giá cán bộ, GV theo chuẩn nghề nghiệp.	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	Hiệu trưởng	
	3	[H2-2.2-03]	Văn bằng chuyên môn cao nhất của giáo viên;	- Thu thập hàng năm	Các cấp	
	4	[H2-2.2-04]	- Quyết định giao nhiệm vụ hướng dẫn nghiên cứu Khoa học kỹ thuật - Quyết định công nhận nghiên cứu Khoa học kỹ thuật; - Công nhận đề tài sáng kiến của giáo viên;	- Từ năm học 2022-2023 đến nay.	- Hiệu trưởng - Cấp xã, tỉnh	

	5	[H2-2.2-05]	- Quyết định giao nhiệm vụ hướng dẫn ý tưởng khởi nghiệp, sáng tạo TTN; các cuộc thi khác - Quyết định công nhận ý tưởng khởi nghiệp, sáng tạo TTN, các cuộc thi khác	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	- Hiệu trưởng, - Cấp xã, tỉnh	
	6	[H2-2.2-06]	Kết quả BDTX của GV; quyết định BD CM	Hàng năm	Các cấp	
	7	[H1-1.8-04]	- Kế hoạch tổ chức hoạt động GD môn học; Kế hoạch bài dạy HĐ TNHN 6, 7, 8, 9 - Hình ảnh tổ chức hoạt động trải nghiệm (HĐGD);	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	Tổ CM Giáo viên Đoàn đội	Nhóm 1 (đ/c Tuần)
	8	[H1-1.1-06]	- Báo cáo tổng kết của nhà trường hàng năm;	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	Hiệu trưởng	Nhóm 1
	9	[H1-1.7-03]	Quyết định phân công tác các năm học	- Từ năm học 2022-2023 đến nay.	Hiệu trưởng	Nhóm 1
Tiêu chí 2.3	1	[H1-2.3-01]	- Văn bằng, chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên;	Thu thập hằng năm	Nhân viên	
	2	[H2-2.3-02]	- Phiếu đánh giá viên chức hằng năm của nhân viên. - Đánh giá mức độ HT nhiệm vụ được giao đối với nhân viên hợp đồng.	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	Hiệu trưởng	
	3	[H2-2.3-03]	Danh sách nhân viên nhà trường.	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	Hiệu trưởng	
	4	[H2-2.3-04]	Quyết định được cử đi tham gia tập huấn hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ	Thu thập hàng năm	Hiệu trưởng	
	5	[H2-2.3-05]	Quyết định, hợp đồng lao động đối với nhân viên	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	- Văn thư	

	6	[H1-1.7-02]	Quyết định phân công tác của giáo viên, nhân viên.	- Từ năm học 2022-2023 đến nay		N1
	7	[H1-1.1-06]	- Báo cáo tổng kết của nhà trường hàng năm;	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	Phó hiệu trưởng.	
Tiêu chí 2.4	1	[H1-1.1-06]	Báo cáo tổng kết của nhà trường hàng năm	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	Hiệu trưởng	N1
	2	[H2-2.4-01]	- Quyết định GV hướng dẫn học sinh ôn HSG, phong trào VN - TDTT	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	Hiệu trưởng	N1
	3	[H2-2.4-02]	- Quyết định khen thưởng học sinh có thành tích trong học tập và phong trào VN - TDTT.	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	- Phòng GD, UB huyện, Hiệu trưởng	N1
	5	[H2-2.4-03]	Danh sách học sinh được nhận học bổng của các nhà tài trợ	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	- Hiệu trưởng	
	6	[H2-2.4-04]	Quyết định công nhận học sinh trúng tuyển vào lớp 6 cấp THCS hàng năm.	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	- Phòng GD	
	7	[H1-1.5-01]	- Sổ đăng bộ;	Hàng năm	- Nhà trường	N1
	8	[H1-1.5-02]	- Sổ chủ nhiệm;	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	- Nhà trường	N1
	9	[H1-1.5-03]	Sổ theo dõi và đánh giá học sinh theo lớp	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	- Nhà trường	N1
	10	[H1-1.4-07]	Giấy khen học sinh giỏi các cấp.	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	- Phòng GD	N1
	11	[H1-1.2-02]	- Quyết định thành lập tổ tư vấn học đường.	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	- Văn thư	N1

	12	[H2-2.2-04]	- Quyết định giao nhiệm vụ hướng dẫn nghiên cứu Khoa học kỹ thuật; - Quyết định công nhận nghiên cứu Khoa học kỹ thuật;	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	- Hiệu trưởng - Phòng Giáo dục - UBND huyện	TC 2.2
	13	[H2-2.2-05]	- Quyết định giao nhiệm vụ hướng dẫn ý tưởng khởi nghiệp, sáng tạo TTN - Quyết định công nhận ý tưởng khởi nghiệp, sáng tạo TTN	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	- Hiệu trưởng	TC 2.2
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Biên bản Kiểm tra, bố trí đất xây dựng trường PTDTBT THCS Phì Nhừ, xã Phì Nhừ huyện Điện Biên Đông.	Thu thập tháng 5 năm 2022	UBND xã	
	2	[H3-3.1-02]	Ảnh chụp khuôn viên, sân chơi, bãi tập, công trường	Thu thập tháng 5 năm 2022 Thu thập thêm tháng 5 năm 2024 Thu thập thêm tháng 5 năm 2025 Thu thập thêm tháng 5 năm 2026	Nhóm 3	
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Ảnh chụp phòng học	Thu thập tháng 5 năm 2022 Thu thập thêm tháng 5 năm 2024 Thu thập thêm tháng 5 năm 2025 Thu thập thêm tháng 5 năm 2026	Nhóm 3	
	2	[H3-3.2-02]	Ảnh chụp phòng học bộ môn	Thu thập tháng 5 năm 2022	Nhóm 3	

				Thu thập thêm tháng 5 năm 2024 Thu thập thêm tháng 5 năm 2025 Thu thập thêm tháng 5 năm 2026		
	3	[H3-3.2-03]	Ảnh chụp phòng Công đoàn + Đoàn đội	Thu thập tháng 5 năm 2022 Thu thập thêm tháng 5 năm 2024 Thu thập thêm tháng 5 năm 2025 Thu thập thêm tháng 5 năm 2026	Nhóm 3	
	4	[H3-3.2-04]	Ảnh chụp phòng Thư viện	Thu thập tháng 5 năm 2022 Thu thập thêm tháng 5 năm 2024 Thu thập thêm tháng 5 năm 2025 Thu thập thêm tháng 5 năm 2026	Nhóm 3	
	5	[H3-3.2-05]	Biên bản kiểm kê tài sản, cơ sở vật chất	Thu thập tháng 5 năm 2022 Thu thập thêm tháng 5 năm 2024 Thu thập thêm tháng 5 năm 2025 Thu thập thêm tháng 5 năm 2026	Nhóm 3	
	6	[H3-3.2-06]	Sơ đồ tổng thể nhà trường	Thu thập tháng 5 năm 2022	Nhóm 3	

Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Ảnh chụp phòng TB, tin học, nghệ thuật, truyền thông, Đoàn đội	Thu thập thêm tháng 5 năm 2024 Thu thập thêm tháng 5 năm 2025 Thu thập thêm tháng 5 năm 2026		
	2	[H3-3.3-02]	Ảnh chụp khu đỗ xe	Thu thập tháng 5 năm 2022 Thu thập thêm tháng 5 năm 2024 Thu thập thêm tháng 5 năm 2025 Thu thập thêm tháng 5 năm 2026	Nhóm 3	
	3	[H3-3.3-03]	Kế hoạch sửa chữa, bổ sung các thiết bị phòng hành chính quản trị	Thu thập tháng 5 năm 2022	Nhóm 3	
	4	[H3-3.3-04]	Ảnh chụp phòng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	Thu thập tháng 5 năm 2022 Thu thập thêm tháng 5 năm 2025 Thu thập thêm tháng 5 năm 2026	Nhóm 3	
	5	[H3-3.3-05]	Ảnh chụp phòng tổ KHTN, KHXXH	Thu thập tháng 5 năm 2022 Thu thập thêm tháng 5 năm 2024 Thu thập thêm tháng 5 năm 2025 Thu thập thêm tháng 5 năm 2026	Nhóm 3	
	6	[H3-3.3-06]	Ảnh chụp phòng họp và truyền thông	Thu thập tháng 5 năm 2022 Thu thập thêm tháng 5 năm	Nhóm 3	

				2024 Thu thập thêm tháng 5 năm 2025 Thu thập thêm tháng 5 năm 2026		
7	[H3-3.3-07]	Ảnh chụp phòng chờ của giáo viên		Thu thập tháng 5 năm 2022 Thu thập thêm tháng 5 năm 2024 Thu thập thêm tháng 5 năm 2025 Thu thập thêm tháng 5 năm 2026	Nhóm 3	
8	[H3-3.3-08]	Ảnh chụp tổ Văn phòng - phòng Y tế; Phòng Bảo vệ		Thu thập tháng 5 năm 2022 Thu thập thêm tháng 5 năm 2024 Thu thập thêm tháng 5 năm 2025 Thu thập thêm tháng 5 năm 2026	Nhóm 3	
9	[H3-3.3-09]	Ảnh chụp Nhà bếp, Nhà ăn, Nhà nghỉ nội trú		Thu thập tháng 5 năm 2022 Thu thập thêm tháng 5 năm 2024 Thu thập thêm tháng 5 năm 2025 Thu thập thêm tháng 5 năm 2026	Nhóm 3	
10	[H3-3.3-10]	Ảnh chụp tủ thuốc		Thu thập tháng 5 năm 2022 Thu thập thêm tháng 5 năm 2024	Nhóm 3	

				Thu thập thêm tháng 5 năm 2025 Thu thập thêm tháng 5 năm 2026		
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Ảnh chụp khu vệ sinh học sinh, giáo viên	Thu thập tháng 5 năm 2022 Thu thập thêm tháng 5 năm 2024 Thu thập thêm tháng 5 năm 2025 Thu thập thêm tháng 5 năm 2026	Nhóm 3	
	2	[H3-3.4-02]	Ảnh chụp hệ thống cấp nước sạch	Thu thập tháng 5 năm 2022 Thu thập thêm tháng 5 năm 2024 Thu thập thêm tháng 5 năm 2025 Thu thập thêm tháng 5 năm 2026	Nhóm 3	
	3	[H3-3.4-03]	Ảnh chụp hệ thống thoát nước	Thu thập tháng 5 năm 2022 Thu thập thêm tháng 5 năm 2024 Thu thập thêm tháng 5 năm 2025 Thu thập thêm tháng 5 năm 2026	Nhóm 3	
	4	[H3-3.4-04]	Ảnh chụp Lò đốt rác, thùng đựng rác, HS thu gom rác	Thu thập tháng 5 năm 2022 Thu thập thêm tháng 5 năm 2024 Thu thập thêm tháng 5 năm	Nhóm 3	

				2025 Thu thập thêm tháng 5 năm 2026		
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Sổ theo dõi thiết bị, đồ dùng của nhà trường	Thu thập tháng 5 năm 2022 Thu thập thêm tháng 5 năm 2024 Thu thập thêm tháng 5 năm 2025 Thu thập thêm tháng 5 năm 2026	Nhóm 3	
	2	[H3-3.5-02]	Bảng thống kê các thiết bị được sửa chữa hằng năm	Thu thập tháng 5 năm 2022 Thu thập thêm tháng 5 năm 2025 Thu thập thêm tháng 5 năm 2026	Nhóm 3	
	3	[H3-3.5-03]	Hợp đồng, hóa đơn sửa chữa các thiết bị	Thu thập tháng 5 năm 2022	Nhóm 3	
	4	[H3-3.5-04]	Hợp đồng kết nối mạng	Thu thập tháng 5 năm 2022 Thu thập thêm tháng 5 năm 2024 Thu thập thêm tháng 5 năm 2025 Thu thập thêm tháng 5 năm 2026	Nhóm 3	
	5	[H3-3.5-05]	Hóa đơn mạng Internet hàng tháng của trường	Thu thập tháng 5 năm 2022 Thu thập thêm tháng 5 năm 2024 Thu thập thêm tháng 5 năm 2025 Thu thập thêm tháng 5 năm	Nhóm 3	

				2026		
	6	[H3-3.5-06]	Thống kê danh mục thiết bị dạy học do giáo viên tự làm	Thu thập tháng 5 năm 2022 Thu thập thêm tháng 5 năm 2024 Thu thập thêm tháng 5 năm 2025 Thu thập thêm tháng 5 năm 2026	Nhóm 3	
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Hồ sơ quản lý thư viện	Thu thập tháng 5 năm 2022 Thu thập thêm tháng 5 năm 2024 Thu thập thêm tháng 5 năm 2025 Thu thập thêm tháng 5 năm 2026	Nhóm 3	Lưu thư viện,tb
	2	[H3-3.6-02]	Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục	Thu thập tháng 5 năm 2022 Thu thập thêm tháng 5 năm 2024 Thu thập thêm tháng 5 năm 2025 Thu thập thêm tháng 5 năm 2026	Nhóm 3	Lưu thư viện,tb
	3	[H3-3.6-03]	Quyết định công nhận Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.	Thu thập tháng 5 năm 2022 Thu thập thêm tháng 5 năm 2024	Nhóm 3	Thư viện
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Biên bản họp PHHS trường, lớp.	Từ năm học 2022-2023 đến nay	Ban đại diện CMHS	

	2	[H4-4.1-02]	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ HS.	Từ năm học 2022-2023 đến nay	Ban đại diện CMHS	
	3	[H4-4.1-03]	Báo cáo hoạt động của Ban đại diện cha mẹ HS.	Từ năm học 2022-2023 đến nay	Ban đại diện CMHS	
	4	[H4-4.1-04]	Biên bản vận động học sinh.	Từ năm học 2022-2023 đến nay	BGH (Nga)	
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Các văn bản của nhà trường tham mưu với Đảng ủy chính quyền địa phương (tờ trình xin các loại) để thực hiện KH giáo dục.	Từ năm học 2022-2023 đến nay	Hiệu trưởng	
	2	[H4-4.2-02]	Báo cáo tổng kết của Đoàn, Đội có nội dung tuyên truyền. (công an, y tế tuyên truyền PCCC, tảo hôn, tự tử lá ngón...)	Từ năm học 2022-2023 đến nay	Tổng phụ trách (Huệ)	
	3	[H4-4.2-03]	Kế hoạch vận động tài trợ của nhà trường được cấp trên phê duyệt.	Từ năm học 2022-2023 đến nay	BGH(Hung, Nga)	
	4	[H4-4.2-04]	Tờ trình của nhà trường với UBND xã thực hiện kế hoạch chiến lược.	Từ năm học 2022-2023 đến nay	Hiệu trưởng	
	5	[H4-4.2-05]	Kế hoạch thực hiện chăm sóc, di tích lịch sử CM, gia đình cách mạng ở địa phương.	Từ năm học 2022-2023 đến nay	Đor	
	6	[H4-4.2-06]	Ảnh chụp hoạt động của các tổ chức trong nhà trường tổ chức các hoạt động.	Từ năm học 2022-2023 đến nay	Trang Wed nhà	

					trường	
	7	[H4-4.2-07]	Ảnh chụp nhà trường thăm, tặng quà gđ cách mạng.	Từ năm học 2022-2023 đến nay	Tổng phụ trách	
	8	[H4-4.2-08]	Các văn bản cấp có thẩm quyền công nhận nhà trường đạt cơ quan văn hóa.	Từ năm học 2022-2023 đến nay	BGH(Hung)	
Tiêu chí 5.1	1	[H1-1.1-06]	- Báo cáo tổng kết năm học các năm	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Hiệu trưởng	
	2	[H1-1.1-01]	- Kế hoạch giáo dục nhà trường.	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	BGH nhà trường	
	3	[H5-5.1-01]	- Kế hoạch bài dạy các môn học.	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Giáo viên (Phần mềm VNedu)	
	4	[H5-5.1-02]	- Ngân hàng đề.	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Lưu trên máy tính của Phó HT	
	5	[H1-1.5-03]	- Sổ theo dõi và đánh giá học sinh	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	(Phần mềm VNedu)	
	6	[H5-5.1-03]	- Kế hoạch bài dạy bồi dưỡng HSG các môn văn hóa.	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Giáo viên	
	7	[H5-5.1-04]	- Kế hoạch bài dạy phụ đạo HS chưa đạt	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Giáo viên	

	8	[H1-1.4-04]	- Kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn theo tháng, năm học.	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Tổ chuyên môn	
	9	[H1-1.4-05]	- Sổ ghi chép sinh hoạt chuyên môn	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Tổ chuyên môn	
	10	[H5-5.1-05]	- Hồ sơ theo dõi sự tiến bộ của học sinh khuyết tật.	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Giáo viên	
Tiêu chí 5.2	1	[H1-1.1-01]	- Kế hoạch giáo dục nhà trường.	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	BGH nhà trường	
	2	[H5-5.1-05]	- Hồ sơ theo dõi sự tiến bộ của học sinh khuyết tật.	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Giáo viên	
	3	[H1-1.5-02]	- Sổ chủ nhiệm	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Giáo viên	
	4	[H5-5.1-03]	- Kế hoạch bài dạy bồi dưỡng HSG các môn văn hóa.	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Giáo viên	
	5	[H5-5.1-04]	- Kế hoạch bài dạy phụ đạo HS yếu, kém.	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Giáo viên	
	6	[H1-1.1-06]	- Báo cáo tổng kết năm học các năm	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Hiệu trưởng	
	7	[H2-2.4-01]	- Quyết định GV hướng dẫn học sinh ôn HSG, phong trào VN - TĐTT	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Hiệu trưởng	
	8	[H2-2.4-02]	- Quyết định khen thưởng học sinh có thành tích trong học tập và phong trào VN - TĐTT.	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	- Phòng GD, UB huyện, Hiệu	

					trưởng	
	9	[H1-1.3-07]	- Kế hoạch hoạt động Đội.	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	- TPT Đội	
	10	[H1-1.3-08]	- Báo cáo tổng kết công tác đội hằng năm.	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	- TPT Đội	
Tiêu chí 5.3	1	[H1-1.1-01]	- Kế hoạch giáo dục nhà trường.	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	BGH nhà trường	
	2	[H1-1.8-02]	- Kế hoạch dạy học tuần của giáo viên	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Giáo viên	
	3	[H5-5.3-01]	- Kế hoạch bài dạy có nội dung giáo dục địa phương các môn Văn học, Địa lí, Lịch sử, Giáo dục công dân.	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Giáo viên (Phần mềm Vnedu)	
	4	[H5-5.3-02]	- Tài liệu giáo dục địa phương	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Thư viện nhà trường	
	5	[H5-5.1-02]	- Ngân hàng đề kiểm tra	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Lưu trên máy tính của PHT	
	6	[H1-1.5-03]	- Sổ gọi tên và ghi điểm – Sổ theo dõi và đánh giá học sinh	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Nhóm 1	
	7	[H1-1.1-06]	Báo cáo tổng kết năm học các năm	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Nhóm 1	

Tiêu chí 5.4	1	[H1-1.8-04]	- Kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Nhóm 1	
	2	[H1-1.3-07]	Kế hoạch hoạt động Đội và Báo cáo tổng kết công tác đội các năm	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Nhóm 1	
	3	[H1-1.3-07]	Kế hoạch hoạt động Đội và Báo cáo tổng kết công tác đội các năm	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Nhóm 1	
	4	[H1-1.8-04]	- Hình ảnh hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp.	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Tổ CM Giáo viên Đoàn đội	
	5	[H5-5.1-01]	- Kế hoạch bài dạy giáo môn Công nghệ 9	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Giáo viên (Phần mềm VNedu)	
	6	[H1-1.1-01]	- Kế hoạch giáo dục nhà trường.	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	BGH nhà trường	
Tiêu chí 5.5	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục nhà trường	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Hiệu trưởng	
	2	[H1-1.3 -05]	Kế hoạch hoạt động Đội và Báo cáo tổng kết công tác đội	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Tổng phụ trách đội	
	3	[H1-1.1-03]	- Báo cáo tổng kết của nhà trường	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Hiệu trưởng	
	4	[H1-1.3 -05]	Kế hoạch hoạt động Đội và Báo cáo tổng kết công tác đội	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Tổng phụ trách đội	

	5	[H1-1.5-02]	- Sổ chủ nhiệm	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	VNEDU	
	6	[H1-1.3 -05]	Kế hoạch hoạt động Đội và Báo cáo tổng kết công tác đội	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Tổng phụ trách đội	
	7	[H2-2.2-07]	- Kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm và hình ảnh tổ chức hoạt động trải nghiệm	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Giáo viên	
	8	[H1-1.3 -05]	Kế hoạch hoạt động Đội và Báo cáo tổng kết công tác đội hàng năm.	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Tổng phụ trách đội	
	9	[H2-2.2-08]	- Đề tài và Kết quả nghiên cứu KHKT. Quyết định phân công giáo viên hướng dẫn HS nghiên cứu KHKT	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Giáo viên	
Tiêu chí 5.6	1	[H1-1.1-03]	- Báo cáo tổng kết của nhà trường	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Hiệu trưởng	
	2	[H1-1.5-01]	- Sổ gọi tên và ghi điểm – Sổ theo dõi và đánh giá học sinh	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	VNEDU	
	3	[H5-5.6-01]	- Báo cáo công tác phổ cập của nhà trường hàng năm.	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Phó HT	
	4	[H5-5.6-02]	- Danh sách học sinh tốt nghiệp lớp 9	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Giáo viên	
	5	[H5-5.6-03]	- Danh sách HS học cấp 3, học nghề sau TN lớp 9	Từ năm học 2022 – 2023 đến nay	Phó HT	

Người tổng hợp

Nguyễn Thị Hà Xuyên

Trần Thị Uyên